

Số: **346/NQ-HĐND**

Gia Lai, ngày 09 tháng 5 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Cho ý kiến về kế hoạch và phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công
trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Gia Lai (lần thứ nhất)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Văn bản số 419/TTg-KTTH ngày 02 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

Xét Tờ trình số 468/TTr-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 và dự kiến danh mục dự án đầu tư công giai đoạn 2021-2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận, thống nhất của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất thông qua kế hoạch và phương án phân bổ đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Gia Lai (lần thứ nhất), cụ thể như sau:

Tổng vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 dự kiến là 18.259,094 tỷ đồng (chưa bao gồm các Chương trình mục tiêu quốc gia và các dự án ODA khởi công mới).

1. Vốn ngân sách địa phương: 12.040,768 tỷ đồng

1.1. Vốn trong cân đối theo tiêu chí: 4.663,6 tỷ đồng.

a. Vốn trong cân đối theo tiêu chí do tỉnh đầu tư: 2.523,6 tỷ đồng.

b. Vốn trong cân đối theo tiêu chí phân cấp huyện, thị xã, thành phố đầu tư: 2.140 tỷ đồng.

1.2. Tiền sử dụng đất: 6.200 tỷ đồng.
a. Tiền sử dụng đất của tỉnh: 3.806,440 tỷ đồng.
b. Tiền sử dụng đất phân cấp cho huyện, thị xã, thành phố đầu tư: 2.393,56 tỷ đồng.

1.3. Xổ số kiến thiết: 794 tỷ đồng.

1.4. Bội chi ngân sách địa phương: 50,1 tỷ đồng.

1.5. Bố trí vốn cho các dự án đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 chưa giao đủ vốn từ nguồn tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết trong năm 2019, năm 2020 nhưng thu không đạt: 333,068 tỷ đồng.

2. Vốn ngân sách Trung ương: 6.218,326 tỷ đồng.

2.1. Vốn trong nước 5.772,326 tỷ đồng.

2.2. Vốn nước ngoài: 446 tỷ đồng.

(Có biểu số 1, 2, 3, 4 và Phụ lục số 1, 2, 3 kèm theo).

Điều 2. Giao UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này; đồng thời, hoàn thiện các thủ tục đối với các dự án khởi công mới chưa được quyết định chủ trương đầu tư, trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Gia Lai khóa XI, Kỳ họp thứ Hai mươi thông qua ngày 09 tháng 5 năm 2021 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- VPQH, VPCP;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: TU, Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Website: <http://dbnd.gialai.gov.vn>;
- Báo Gia Lai; Đài PTTH tỉnh;
- Lãnh đạo và chuyên viên Phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH

Châu Ngọc Tuấn

Biểu số 1
BẢNG TỔNG HỢP VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 346 /NQ-HĐND ngày 09/5/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai)

ĐVT: triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch ĐTC trung hạn dự kiến tại Văn bản số 419/TTg-KTTH ngày 02/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ	Dự kiến kế hoạch ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025 của địa phương	Kế hoạch vốn dự kiến chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	17,926,026	18,259,094	1,623,469	
A	NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	11,707,700	12,040,768	980,000	
I	Vốn trong cân đối theo tiêu chí	4,663,600	4,663,600	190,000	
1	Vốn trong cân đối theo tiêu chí do tỉnh đầu tư		2,523,600	190,000	
a	Vốn dự phòng (10%)		252,360		
b	Vốn phân bổ các dự án (90%)		2,271,240		
	Hoàn trả vốn ứng trước		6,280		Hoàn ứng dự án Quốc môn và một số hạng mục hạ tầng kỹ thuật Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh, tỉnh Gia Lai
	Vốn đối ứng các dự án ODA		279,844		Trong đó bố trí 48,018 tỷ đồng cho 04 dự án chuyển tiếp; 231,826 tỷ đồng cho các dự án ODA dự kiến khởi công mới
	Chương trình kiên cố hóa kênh mương và giao thông nông thôn		500,000		
	Vốn thực hiện nhiệm vụ quy hoạch		47,283		Bố trí cho 05 dự án; trong đó 32,783 tỷ đồng cho 01 dự án chuyển tiếp; 14,5 tỷ đồng cho 04 dự án khởi công mới
	Chi ngân hàng chính sách		100,000		
	Dự án chuyển tiếp		205,133		Bố trí cho 9 dự án
	Dự án khởi công mới		1,132,700	190,000	Bố trí cho 28 dự án
2	Vốn trong cân đối theo tiêu chí phân cấp huyện, thị xã, thành phố đầu tư		2,140,000		Theo Nghị quyết 128/2020/NQ-HĐND ngày 09/11/2020 của HĐND tỉnh
II	Tiền sử dụng đất	6,200,000	6,200,000	650,000	
1	Tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư		3,806,440	650,000	
a	Vốn dự phòng (10%)		380,644		
b	Vốn phân bổ các dự án (90%)		3,425,796		

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch ĐTC trung hạn dự kiến tại Văn bản số 419/TTg-KTTH ngày 02/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ	Dự kiến kế hoạch ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025 của địa phương	Kế hoạch vốn dự kiến chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
	Vốn chuẩn bị đầu tư các dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030		10,000		Chuẩn bị đầu tư các dự án Bệnh viện thành phố Pleiku; Ngã ba Hoa Lư ...
	Vốn đối ứng các chương trình mục tiêu quốc gia		624,313		
	Tiền sử dụng đất của tỉnh điều tiết về các huyện, thị xã, thành phố đầu tư		297,482		
	Dự án chuyển tiếp		460,390		Bổ trí cho 02 dự án
	Dự án khởi công mới		2,033,611	650,000	Bổ trí cho 42 dự án
b	Tiền sử dụng đất huyện, thị xã, thành phố đầu tư		2,393,560		
III	Tiền xổ số kiến thiết	794,000	794,000	140,000	
a	Vốn dự phòng (10%)		79,400		
b	Vốn phân bổ các dự án (90%)		714,600		
	Vốn đối ứng các chương trình mục tiêu quốc gia		134,100		
	Dự án khởi công mới		580,500	140,000	Bổ trí cho 22 dự án
IV	Bội chi ngân sách địa phương (1)	50,100	50,100		
V	Vốn xử lý hụt thu năm 2019, 2020		333,068		Bổ trí vốn cho các dự án đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 từ nguồn tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết năm 2019,2020 nhưng thu không đạt
B	NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	6,218,326	6,218,326	643,469	
I	Vốn trong nước	5,772,326	5,772,326	643,469	
	Hoàn trả vốn ứng trước	35,826	59,537		Bổ sung Thu hồi vốn ứng trước dự án sửa chữa nâng cấp hồ chứa nước Hà ra Nam, Hà ra Bắc, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai (11,958 tỷ đồng) và dự án Sửa chữa nâng cấp hồ chứa nước Ia Hrun, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai (11,753 tỷ đồng) để thực hiện kiến nghị Kiểm toán nhà nước
	Dự án chuyển tiếp		786,858		Bổ trí cho 16 dự án
	Dự án khởi công mới		4,925,931	643,469	Bổ trí cho 37 dự án
II	Vốn nước ngoài	446,000	446,000		

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch ĐTC trung hạn dự kiến tại Văn bản số 419/TTg-KTTH ngày 02/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ	Dự kiến kế hoạch ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025 của địa phương	Kế hoạch vốn dự kiến chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
	Dự án chuyển tiếp	446,000	446,000	-	Bố trí cho 4 dự án

Ghi chú: (1) Bằng với bội chi ngân sách địa phương năm 2021. Các năm tiếp theo sẽ được bổ sung từ nguồn dự phòng chung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương

Biểu số 2

DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 346 /NQ-HĐND ngày 09/5/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế (1)	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch			Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025				Đơn vị thực hiện	Ghi chú		
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT (1)		Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó:				
						Tổng số	Trong đó: NSDP						NSDP			Trong đó	
																Thu hồi các khoản ứng trước NSDP	Thanh toán nợ XDCB
	TỔNG SỐ									13,632,294	12,040,768	331,771	-				
A	VỐN TRONG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ									5,235,126	4,663,600	6,280	-				
A.1	VỐN TRONG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ TỈNH ĐẦU TƯ									3,095,126	2,523,600	6,280	-				
	Dự phòng 10%									252,360	252,360						
	Phân bổ cho các dự án 90%									2,842,766	2,271,240	6,280	-				
I	Quốc phòng									119,014	119,014	-	-				
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong 2021-2025									33,014	33,014	-	-				
1	Đường hầm sở chỉ huy cơ bản huyện Chư Prông Sh04-GL2017	Chư Prông		2018-2022		32,409	32,409	14,400	14,400	14,914	14,914			Bộ CHQS tỉnh			
2	Đường hầm sở chỉ huy cơ bản huyện Chư Păh Sh05-GL2016	Chư Păh		2018-2022		37,526	37,526	14,400	14,400	18,100	18,100			Bộ CHQS tỉnh			
(2)	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025									86,000	86,000	-	-				
1	Đường vào căn cứ hậu cần Đăk Somei	Đăk Đoa	Đường rộng 5,5m; dài 2,6km loại đường cấp IV miền núi	2022		6,000	6,000			6,000	6,000			Bộ CHQS tỉnh lập BCĐXCT đầu tư			

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế (1)	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch		Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025				Đơn vị thực hiện	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT (1)		Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó:				
						Tổng số	Trong đó: NSDP				NSDP	Trong đó			
												Thu hồi các khoản ứng trước NSDP			Thanh toán nợ XDCB
2	Đường hầm sở chỉ huy cơ bản huyện Mang Yang Sh07	Mang Yang		2023-2025		40,000	40,000			40,000	40,000			Bộ CHQS tỉnh lập BCĐXCT đầu tư	
3	Đường hầm sở chỉ huy cơ bản huyện Đak Đoa Sh06	Đak Đoa		2023-2025		40,000	40,000			40,000	40,000			Bộ CHQS tỉnh lập BCĐXCT đầu tư	
II	Khoa học, công nghệ									60,000	60,000	-	-		
(1)	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025									60,000	60,000	-	-		
1	Đầu tư trang thiết bị đo lường, thử nghiệm trong lĩnh vực Tiêu chuẩn, Đo lường, Chất lượng	Pleiku	Đầu tư thử nghiệm Hóa - Vi sinh, thử nghiệm cơ lý, kiểm tra an toàn thiết bị điện, kiểm định khối lượng, kiểm định dung tích; kiểm định các thiết bị đo, kiểm tra chất lượng hàng hóa không phá hủy.	2021-2022	301/NQ-HĐND ngày 25/02/2021	20,000	20,000			20,000	20,000			Sở Khoa học và Công nghệ	
2	Hoàn thiện, tăng cường tiềm lực về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị tại Khu thực nghiệm khoa học và công nghệ; xây dựng cơ sở vật chất bảo tồn quỹ gen	Pleiku	Đầu tư hoàn thiện máy móc, thiết bị còn thiếu cho khu thực nghiệm KH&CN: Hoàn thiện lắp đặt máy móc thiết bị thí nghiệm- sản xuất phục vụ cho phát triển triển ngành nông nghiệp; Hoàn thiện lắp đặt hệ thống máy móc, thiết bị tự động trong việc quản lý theo dõi nhân giống, sản xuất nông nghiệp; Hệ thống IOT, security, truy xuất nguồn gốc; Hệ thống cung cấp năng lượng mặt trời dễ vận hành; Hệ thống xử lý nước thải, chất thải làm phân bón hữu cơ, bảo vệ môi trường; Hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho hoạt động của Trung tâm bảo tồn quỹ gen.	2022-2023		20,000	20,000			20,000	20,000			Sở Khoa học và Công nghệ lập BC ĐXCTĐT	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế (1)	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch		Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025				Đơn vị thực hiện	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT (1)		Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó:				
						Tổng số	Trong đó: NSDP				NSDP	Trong đó			
												Thu hồi các khoản ứng trước NSDP			Thanh toán nợ XDCB
3	Xây dựng và phát triển hạ tầng cơ sở thông tin KHCN phục vụ cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4.0).	Pleiku	Đầu tư máy móc, thiết bị phục vụ công nghệ thông tin khoa học công nghệ: Hệ thống máy chủ quản trị mạng (DNS, DHCP, Firewall, ISA), Lưu trữ dữ liệu (Data Server), Website (Tiếng Việt và Đa ngôn ngữ)...; Cung cấp máy tính cho các Sở ban ngành liên quan; Cung cấp máy trạm cho 17 huyện, thị xã, thành phố và cơ sở dữ liệu; Hệ thống Internet đường truyền công nghệ cao; Trang thiết bị số hóa; Đầu tư máy móc, thiết bị test kiểm tra sản phẩm; hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm; văn phòng TBT; Đào tạo nhân lực tiếp nhận công nghệ thông tin ứng dụng khoa học và công nghệ, nhân lực chuyên sâu và sử dụng hệ thống quản lý; Xây dựng trang Web cơ sở dữ liệu định hướng nông nghiệp thông minh, tích hợp Kết nối với các mạng tiên tiến khu vực và quốc tế như APAN, GLORIAD, TEIN4 (Trans-Eurasia Information Network 4) và hợp tác song phương với các mạng nghiên cứu và đào tạo quốc gia khác; Cập nhật, bổ sung nguồn thông tin dữ liệu nông nghiệp thông minh trong nước và trên thế giới; Đầu tư trang thiết bị phòng chống xâm nhập chuyên nghiệp; Đầu tư phần mềm anti -virus cho các máy chủ; Hệ thống quản lý truy xuất nguồn gốc các sản phẩm nông nghiệp; Đầu tư máy móc, thiết bị văn phòng.	2023-2024		20,000	20,000			20,000	20,000			Sở Khoa học và Công nghệ lập BC ĐXCTĐT	
III	Văn hóa, thông tin									13,500	13,500	-	-		
III.1	Văn hóa									13,500	13,500	-	-		
(1)	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025									13,500	13,500	-	-		
1	Hệ thống âm thanh lưu động cho Nhà hát ca múa nhạc Đam San	TP Pleiku	Hệ thống âm thanh di động đạt tiêu chuẩn phục vụ tối đa 10.000 người, màn hình LED outdoor 24m ²	2023		10,000	10,000			10,000	10,000			Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch lập BCĐXCTĐT	
2	Phòng trưng bày không gian văn hoá công chiêng tại Bảo tàng tỉnh	Pleiku	Phòng trưng bày DTXD: 500 m ² , Bao gồm khu vực chiếu phim tư liệu tại bảo tàng và các hạng mục phụ trợ khác	2025		3,500	3,500			3,500	3,500			Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch lập BCĐXCTĐT	
IV	Phát thanh, truyền hình, thông tấn									47,000	47,000	-	-		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế (1)	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch		Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025				Đơn vị thực hiện	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT (1)		Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó:				
						Tổng số	Trong đó: NSDP				NSDP	Trong đó			
												Thu hồi các khoản ứng trước NSDP			Thanh toán nợ XDCB
(1)	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025									47,000	47,000	-	-		
1	Đầu tư mới xe truyền hình lưu động chuẩn HD	Pleiku	Đầu tư mua sắm mới xe truyền hình lưu động chuẩn HD gồm: xe và thùng xe chuyên dụng; hệ thống camera chuyên dụng; hệ thống thiết bị hình ảnh; hệ thống thiết bị âm thanh; hệ thống phân phối tín hiệu âm thanh và hình ảnh; hệ thống liên lạc nội bộ; bộ tạo chữ; máy làm chậm; vật tư phụ kiện lắp đặt và chi phí khác	2021	303/NQ-HĐND ngày 25/2/2021	29,000	29,000			29,000	29,000			Đài phát thanh và truyền hình	
2	Đầu tư hệ thống thiết bị phim trường và thiết bị truyền hình	Pleiku	Đầu tư hệ thống camera phóng viên và bộ dựng, camera phim trường, phim trường ảo Tricaster, hệ thống đèn phim trường và phòng key, hệ thống âm thanh và thiết bị phụ trợ cho phim trường khán giả, hệ thống hình LED và thiết bị phụ trợ	2023		18,000	18,000			18,000	18,000			Sở Thông tin và Truyền thông lập BCĐXCTĐT	
V	Bảo vệ môi trường									7,000	7,000	-	-		
V.1	Môi trường									7,000	7,000	-	-		
(1)	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025									7,000	7,000	-	-		
1	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quan trắc môi trường tỉnh Gia Lai	Gia Lai	Xây dựng phần mềm nghiệp vụ quan trắc tài nguyên và môi trường; xây dựng cơ sở dữ liệu quan trắc; đào tạo và chuyển giao công nghệ quản lý, vận hành hệ thống	2021	302/NQ-HĐND ngày 25/2/2020	7,000	7,000			7,000	7,000			Sở TN và MT	
VI	Các hoạt động kinh tế									2,297,915	1,726,389	6,280	-		
VI.1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi									996,319	686,257	-	-		
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong 2021-2025									246,319	63,257	-	-		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế (1)	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch		Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025				Đơn vị thực hiện	Ghi chú			
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT (1)		Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số			Trong đó:		
						Tổng số	Trong đó: NSDP								NSDP	Trong đó	
																Thu hồi các khoản ứng trước NSDP	Thanh toán nợ XDCB
1	Hệ thống thủy lợi hồ chứa nước Plei Thờ Ga, xã Chư Don, huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai	Chư Pưh	Hồ chứa nước dung tích 10,54 triệu m ³ gồm cụm công trình đầu mối: đập đất, tràn xả lũ, cống lấy nước; hệ thống kênh và công trình trên kênh chính, kênh nhánh và công trình phụ trợ	2018-2020	614/QĐ-UBND ngày 08/6/2018; 454/QĐ-UBND ngày 04/4/2019	229,000	68,409	203,129	42,538	25,871	25,871			Công ty TNHH MTV khai thác CTTL			
2	Các dự án bảo vệ và phát triển rừng	các huyện, thị xã, thành phố	Bảo vệ và phát triển rừng bền vững	2011-2020 kéo dài 2023	1067/QĐ-UBND ngày 29/11/2017; 1068/QĐ-UBND ngày 29/11/2017; 1072/QĐ-UBND ngày 29/11/2017; 109/QĐ-SKHĐT ngày 20/10/2017; 853/QĐ-UBND ngày 13/12/2017 và 83/QĐ-SKHĐT	105,042	30,459	80,403	14,519	11,560	11,560			Các BQL rừng phòng hộ			
3	Vốn đối ứng 14 Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả Dự án tại 21 tỉnh Miền núi phía Bắc - Tây Nguyên - Nam Trung Bộ	Gia Lai	Cấp nước và vệ sinh trường học; cấp nước sinh hoạt cộng đồng;	2016-2020	166/QĐ-TTg ngày 3/2/2021; 3606/QĐ-BNN-HTQT ngày 4/9/2015; 3102/QĐ-BNN-HTQT ngày 21/7/2016	220,126	31,948	172,414	11,332	76,724	4,574			Sở NNPTNT	Vốn đối ứng ODA		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế (1)	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch		Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025				Đơn vị thực hiện	Ghi chú			
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT (1)		Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số			Trong đó:		
						Tổng số	Trong đó: NSDP								NSDP	Trong đó	
																Thu hồi các khoản ứng trước NSDP	Thanh toán nợ XDCB
4	Vốn đối ứng Dự án “Sửa chữa và nâng cao an toàn đập” (WB8) tỉnh Gia Lai	Chư Sê, Phú Thiện, Krông Pa, Kbang, Đăk Pơ, Ia Grai	Sửa chữa, nâng cấp 08 hồ chứa nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai	2016-2022	4638/QĐ-BNN-HTQT ngày 09/11/2015	127630	6,527	53,450	4,000	74,441	2,528			BQL các DA ĐTXD	Vốn đối ứng ODA		
5	Vốn đối ứng Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững tỉnh Gia Lai (VnSAT)	Gia Lai	Đầu tư CSHT kết nối để phát triển ngành cà phê bền vững	2016-2022	2470/QĐ-BNN-HTQT ngày 30/6/2020; 1992/QĐ-BNN-HTQT ngày 29/5/15; 4229/QĐ-BNN-KH ngày 26/10/15; 219/QĐ-UBND ngày 31/3/2016	192,852	76,771	84,768	24,536	57,723	18,724			Sở NNPTNT	Vốn đối ứng ODA		
(2)	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025									750,000	623,000	-	-				
1	Các dự án Bảo vệ và phát triển rừng	Gia Lai	Trồng rừng sản xuất theo QĐ 38/2016/QĐ-TTg 11.000ha; trồng rừng phòng hộ 850ha; chăm sóc rừng trồng sản xuất năm 2018, 2019, 2020: 5.736ha; chăm sóc rừng trồng giai đoạn 2021-2024	2021-2024	314/NQ-HĐND ngày 25/02/2021	424,000	33,000			160,000	33,000			Sở NNPTNT	NSTW 127 tỷ đồng, NSDP 33 tỷ đồng, Vốn cộng đồng tham gia đối ứng (tiền bán cây đứng) 264 tỷ đồng		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế (1)	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch		Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025				Đơn vị thực hiện	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT (1)		Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó:				
						Tổng số	Trong đó: NSDP				Tổng số	NSDP			Thu hồi các khoản ứng trước NSDP
2	Dự án bảo tồn quản lý bền vững một số loài thực vật thân gỗ quý hiếm và quản lý gây nuôi phát triển động vật rừng tỉnh Gia Lai	Các huyện, thị xã, thành phố	Đầu tư các công trình bảo tồn thiên nhiên và các trang thiết bị cần thiết để nâng cao năng lực cho lực lượng kiểm lâm quản lý, bảo vệ và phát triển nguồn gen của các loài động, thực vật quý hiếm	2023-2025		10,000	10,000			10,000	10,000			Sở NNPTNT lập BCĐXCTĐT	Thực hiện Quyết định số 533/QĐ-UBND ngày 06/10/2020 của UBND tỉnh phê duyệt đề án khung các nhiệm vụ bảo tồn nguồn gen cấp tỉnh trong giai đoạn 2021-2025
3	Đầu tư xây dựng phục vụ quản lý bảo vệ rừng và phát triển vùng đệm khu BTTN Kon Chư Răng	Kbang	Đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng, xây dựng và nâng cấp các tuyến đường tuần tra bảo vệ rừng	2022-2024		45,000	30,000			30,000	30,000			Sở NNPTNT lập BCĐXCTĐT	TMĐT dự án 45 tỷ đồng, trong đó NSDP 30 tỷ đồng, nguồn dịch vụ môi trường rừng 15 tỷ đồng
4	Hồ thị trấn Phú Hòa, huyện Chư Păh	Chư Păh	Công trình cấp IV: Đầu tư xây dựng nâng cấp kiên cố đập đất, tràn xả lũ, xây mới 01 công lấy nước đầu mối, 01 công xả nước chống hạn, đào, nạo vét lòng hồ tăng dung tích chứa nước nhằm đảm bảo tưới cho 20 ha lúa đã có và tưới tăng thêm 30 ha cây trồng trong khu vực.	2023-2024		50,000	50,000			50,000	50,000			UBND huyện Chư Păh lập BCĐXCTĐT	
5	Chương trình kiên cố hóa kênh mương và giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025	Các huyện, thị xã, thành phố	Đầu tư đường trục thôn, làng; đường liên thôn, làng; đường ngõ, xóm; đường hẻm khu dân cư trong đô thị; đường trục chính nội đồng. Kênh mương nội đồng.	2021-2025	280/NQ-HDND ngày 10/12/2020	1,000,000	500,000			500,000	500,000			UBND các huyện, thị xã, TP	Tổng kinh phí thực hiện chương trình 1.000 tỷ đồng, NST 500 tỷ đồng, ngân sách huyện, xã, huy động nhân dân và các nguồn hợp pháp khác 500 tỷ đồng
VI.2	Giao thông									901,833	640,369	-	-		
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong 2021-2025									411,833	150,369	-	-		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế (1)	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch	Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025				Đơn vị thực hiện	Ghi chú		
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT (1)		Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó:				
						Tổng số	Trong đó: NSDP				NSDP			Thu hồi các khoản ứng trước NSDP	Thanh toán nợ XDCB
1	Vốn đối ứng Dự án hỗ trợ phát triển khu vực biên giới, vay vốn ADB - tiểu dự án tỉnh Gia Lai	Pleiku, Chư Prông, Chư Păh,	Hợp phần 1: cải thiện kết nối đường bộ Hợp phần 2: Cải thiện cơ sở hạ tầng hậu cần và quản lý giao thông Hợp phần 3: phát triển nguồn nhân lực, xây dựng năng lực thể chế	2017-2022	739/QĐ-TTg ngày 29/4/2016; 734/QĐ-UBND ngày 28/7/2016; 1039/QĐ-UBND ngày 15/10/2018	508,300	48,300	74,408	26,108	283,656	22,192			Sở KH & ĐT	Vốn đối ứng ODA
2	Chỉnh trang đô thị thị xã Ayun Pa	Ayun Pa	Mở rộng quảng trường, sân vận động, đường giao thông, hệ thống thoát nước	2019-2021	1035/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	50,000	50,000	21,000	21,000	24,000	24,000			UBND thị xã Ayun Pa	
3	Đường Tôn Đức Thắng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Pleiku	Đoạn Km0-Km0+931m và Km1+591-Km2+850m; L=2.190m; Bn=30m; Bm=21m (kể cả dải phân cách rộng 3m); vỉa hè rộng 4,5x2=9m (trong đó lát gạch 1,5mx2=3m); hoàn chỉnh hệ thống thoát nước, hệ thống an toàn giao thông và hệ thống điện chiếu sáng. Đoạn Km0+931-Km1+591m, L=660m: Bổ sung dải phân cách giữa rộng 3m và các hạng mục phụ	2019-2021	1034/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	88,000	88,000	47,009	47,009	32,791	32,791			BQL các DA ĐTXD	
4	Đường tỉnh 662B (từ huyện Phú Thiện đi huyện Ia Pa)	Phú Thiện	L=23,42Km, Bn=6,5m; Bm=5,5m mặt đường BTXM	2019-2021	927/QĐ-UBND ngày 24/9/2019	148,000	148,000	74,854	74,354	58,146	58,146			BQL các DA ĐTXD	
5	Hạ tầng du lịch tỉnh Gia Lai	Pleiku, An Khê	Hạ tầng khu du lịch Biển Hồ: Xây dựng đường trục chính đến khu du lịch và đường trục chính trong khu du lịch Lâm viên Biển Hồ gồm 3 tuyến với tổng chiều dài 5.296,81m. Hệ thống đường giao thông vào khu di tích lịch sử văn hóa Tây Sơn Thượng Đạo tỉnh Gia Lai gồm 4 tuyến đường với tổng chiều dài 2.479,81m.	2018-2022	1012/QĐ-UBND ngày 31/10/2016; NQ 169/NQ-HĐND ngày 10/7/2019;	106,933	50,240	83,000	37,000	13,240	13,240			BQL các DA ĐTXD	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế (1)	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch		Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025				Đơn vị thực hiện	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT (1)		Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó:				
						Tổng số	Trong đó: NSDP				NSDP	Trong đó			
												Thu hồi các khoản ứng trước NSDP			Thanh toán nợ XDCB
(2)	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025									250,000	250,000	-	-		
1	Đường nội thị thị xã Ayun Pa	Ayun Pa	Xây dựng 3 tuyến đường trục chính nội thị đầu nối đường vành đai 1 tổng chiều dài 2,774 Km: Thông tuyến đường Nguyễn Huệ (đoạn từ Bệnh viện đến đường Vành đai 1; Đường quy hoạch từ ngã tư Ngõ Quyền - Nguyễn Văn Trỗi đến đường vành đai 1; Đường quy hoạch từ đường vành đai 1 đến đường Ngõ Quyền	2022-2024		130,000	130,000			130,000	130,000			UBND thị xã Ayun Pa lập BCĐXCTĐT	Các tuyến đường đầu nối với Đường vành đai 1 (dự kiến đầu tư bằng vốn NSTW)
2	Cải tạo nút giao thông Phù Đồng, thành phố Pleiku	Pleiku	Cải tạo nút giao thông Phù Đồng phù hợp với quy hoạch	2022-2024		120,000	120,000			120,000	120,000			UBND thành phố Pleiku lập BCĐXCTĐT	
(3)	Dự án khởi công mới hoàn thành sau năm 2025									240,000	240,000	-	-		
1	Đường Lý Thường Kiệt (đoạn đường Lê Duẩn - đường Trần Văn Bình), thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Pleiku	Đường đô thị cấp III dài 2,745km; Chi giới xây dựng 50m, chiều rộng mặt đường 24m, dải phân cách rộng 5m, vỉa hè rộng 21m	2024-2026		190,000	190,000			120,000	120,000			UBND thành phố Pleiku lập BCĐXCTĐT	
2	Đường nội thị thị xã An Khê	An Khê	Xây dựng 02 tuyến đường nội thị thị xã với tổng chiều dài 4Km: Đường Tôn Đức Thắng L=1,8Km; Đường Trần Quốc Toàn L= 2,2Km	2024-2026		120,000	120,000			60,000	60,000			UBND thị xã An Khê lập BCĐXCTĐT	Từng bước hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật đô thị, đáp ứng nhu cầu đi lại, hướng đến hoàn thành tiêu chí đô thị loại III

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế (1)	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch		Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025				Đơn vị thực hiện	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT (1)		Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó:				
						Tổng số	Trong đó: NSDP				NSDP	Trong đó			
												Thu hồi các khoản ứng trước NSDP			Thanh toán nợ XDCB
3	Đường nội thị huyện Chư Sê	Chư Sê	Đầu tư xây dựng 04 tuyến đường với tổng chiều dài 4,3Km: Đường Đinh Tiên Hoàng (Đoạn Võ Thị Sáu - Đường liên xã Ia Blang) L=1,8Km; Đường Trần Khánh Dư (nối dài đến đường tránh Đông) L=1,55Km; Đường Lê Duẩn (đoạn Lê Lợi - Tránh Đông) L=0,56Km; Đường Âu Cơ (đoạn Hùng Vương - đường 17/3) L=0,42Km	2024-2026		120,000	120,000			60,000	60,000			UBND huyện Chư Sê lập BCĐXCTĐT	Đáp ứng nhu cầu giao thông và mở rộng đô thị góp phần phát triển kinh tế xã hội
VI.3	Du lịch									17,000	17,000	-	-		
(1)	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025									17,000	17,000	-	-		
1	Xây dựng cơ sở dữ liệu, công thông tin điện tử và ứng dụng du lịch thông minh, kết nối cơ sở dữ liệu ngành du lịch	Gia Lai	Khảo sát hiện trạng hạ tầng phần cứng, ứng dụng CNTT trong lĩnh vực du lịch tại các cơ quan quản lý nhà nước, các doanh nghiệp du lịch; xây dựng công thông tin du lịch tỉnh Gia Lai; xây dựng bản đồ du lịch; xây dựng ứng dụng du lịch trên điện thoại di động; chuẩn hóa và xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung lĩnh vực du lịch của tỉnh; Xây dựng phần mềm quản lý chuyên ngành giúp cơ quan quản lý nhà nước thực hiện việc quản lý các dữ liệu du lịch, quản lý việc cấp phép, thẩm định, thanh kiểm tra các doanh nghiệp, các hoạt động về lĩnh vực du lịch; xây dựng phần mềm báo cáo, thống kê số liệu về du lịch giúp các doanh nghiệp du lịch cung cấp các số liệu kịp thời về du lịch; tích hợp dữ liệu bản đồ với các dữ liệu du lịch như cơ sở lưu trú, khu, điểm du lịch và đồng bộ với một số nội dung khác	2021	309/NQ-HĐND ngày 25/2/2021	17,000	17,000			17,000	17,000			Sở VH TT và DL	
VI.4	Công nghệ thông tin									225,000	225,000	-	-		

[illegible]

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế (1)	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch		Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025				Đơn vị thực hiện	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT (1)		Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó:				
						Tổng số	Trong đó: NSDP				NSDP	Trong đó			
												Thu hồi các khoản ứng trước NSDP			Thanh toán nợ XDCB
VI.5	Khu công nghiệp và khu kinh tế									6,280	6,280	6,280	-		
(1)	Dự án hoàn thành trước 2021									6,280	6,280	6,280	-		
1	Quốc môn và một số hạng mục hạ tầng kỹ thuật Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh, tỉnh Gia Lai	Đức Cơ		2016-2018	850/QĐ-UBND ngày 15/8/2018	41,150	6,280			6,280	6,280	6,280		BQL khu kinh tế tỉnh	Dự án phê duyệt quyết toán tại QĐ 686/QĐ-UBND ngày 29/7/2020
VI.6	Quy hoạch									47,283	47,283	-	-		
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong 2021-2025									32,783	32,783	-	-		
1	Lập quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến 2050	Tỉnh Gia Lai		2020-2022	1015/QĐ-TTg ngày 14/7/2020	71,248	57,783	25,000	25,000	32,783	32,783			Sở KH & ĐT	Vốn NSNN 57,783 tỷ đồng; Vốn xã hội hóa 13,465 tỷ đồng
(2)	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025									14,500	14,500	-	-		
1	Lập quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh, tỉnh Gia Lai đến năm 2045	Đức Cơ		2022		5,000	5,000			5,000	5,000			BQL khu kinh tế tỉnh	
2	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng mở rộng Khu trung tâm Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh	Đức Cơ		2023		1,500	1,500			1,500	1,500			BQL khu kinh tế tỉnh	
3	Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Pleiku	Pleiku		2021-2022		7,000	7,000			7,000	7,000			Sở Xây dựng	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế (1)	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch		Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025				Đơn vị thực hiện	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT (1)		Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó:				
						Tổng số	Trong đó: NSDP				NSDP	Trong đó			
												Thu hồi các khoản ứng trước NSDP			Thanh toán nợ XDCB
4	Quy hoạch chi tiết di tích lịch sử chiến thắng Plei Me và di tích lịch sử Đường 7 - Sông Bờ	Chư Prông, Ayun Pa		2022		1,000	1,000			1,000	1,000			Sở VH TT và DL	
VI.7	Công trình công cộng									4,200	4,200	-	-		
(1)	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025									4,200	4,200	-	-		
1	Cải tạo, xây dựng hệ thống điện khu vực quảng trường Đại Đoàn Kết	Pleiku	Xây dựng hệ thống điện 0,4KV khu vực Quảng trường và các hoa viên lân cận nằm trong khu quần thể của Quảng trường; xây dựng lưới điện, cải tạo các trạm biến áp để phù hợp cấp điện	2022		4,200	4,200			4,200	4,200			Sở Công thương lập báo cáo ĐXCĐT	
VI.8	Cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; hỗ trợ hợp tác xã									100,000	100,000	-	-		
(1)	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025									100,000	100,000	-	-		
-	Chỉ cho Ngân hàng chính sách			2021-2025						100,000	100,000				

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế (1)	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch		Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025				Đơn vị thực hiện	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT (1)		Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó:				
						Tổng số	Trong đó: NSDP				NSDP	Trong đó			
												Thu hồi các khoản ứng trước NSDP			Thanh toán nợ XDCB
VII	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập									66,511	66,511	-	-		
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong 2021-2025									6,511	6,511	-	-		
1	Trụ sở thị trấn Nhơn Hòa, huyện Chư Pưh	Chư Pưh	Nhà cấp III; 3 tầng DTXD 280,6m2; DTS 678,82m ² ; thiết bị, hạ tầng kỹ thuật và các hạng mục phụ	2020	203/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	7,000	7,000	489	489	6,511	6,511			UBND huyện Chư Pưh	
(2)	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025									60,000	60,000	-	-		
1	Trụ sở Huyện ủy, UBNDTTQ và các đoàn thể huyện Đak Đoa.	Đak Đoa	Nhà làm việc Huyện ủy: Công trình cấp III, 3 tầng; diện tích sàn 1.200m2; Nhà làm việc UBNDTTQ và các đoàn thể: Công trình cấp III, 3 tầng diện tích sàn 750m ² Các hạng mục phụ: Hàng rào, sân đường nội bộ, điện chiếu sáng...	2023-2024		33,300	20,000			20,000	20,000			UBND huyện Đak Đoa lập BCĐXCTĐT	Xây dựng trụ sở Huyện ủy, UBNDTTQ và các đoàn thể tại trung tâm hành chính mới của huyện (TMĐT 33 tỷ đồng; NST 20 tỷ đồng, còn lại NS huyện)
2	Trụ sở UBND huyện Chư Păh	Chư Păh	Nhà làm việc 4 tầng DTS 1800m ² , hạ tầng hoàn chỉnh và các hạng mục phụ	2024-2025		24,000	20,000			20,000	20,000			UBND huyện Chư Păh lập BCĐXCTĐT	Trụ sở hiện trạng có diện tích nhỏ không đáp ứng được môi trường làm việc của cán bộ, công chức của huyện (TMĐT 24 tỷ đồng, NST 20 tỷ đồng, còn lại NS huyện)

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế (1)	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch		Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025				Đơn vị thực hiện	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT (1)		Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó:				
						Tổng số	Trong đó: NSDP				NSDP	Trong đó			
												Thu hồi các khoản ứng trước NSDP			Thanh toán nợ XDCB
3	Trụ sở HĐND và UBND huyện Kông Chro	Kông Chro	Nhà làm việc 4 tầng DTS 1800m2, hạ tầng hoàn chỉnh và các hạng mục phụ	2024-2025		24,000	20,000			20,000	20,000			UBND huyện Kông Chro lập BCĐXCTĐT	Trụ sở hiện nay xây dựng từ năm 1990 chật hẹp không đảm bảo nhu cầu làm việc (TMĐT 24 tỷ đồng, NST 20 tỷ đồng, còn lại NS huyện)
VIII	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật									231,826	231,826	-	-		
(1)	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025									231,826	231,826	-	-		
1	Vốn đối ứng cho các dự án ODA									231,826	231,826				
A.2	VỐN TRONG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ ĐẦU TƯ									2,140,000	2,140,000				Chi tiết tại phụ lục 1
B	TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT									7,200,000	6,200,000	-	-		
B.1	TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT CỦA TỈNH									4,806,440	3,806,440	-	-		
	Dự phòng 10%									380,644	380,644				
	Phân bổ cho các dự án 90%									4,425,796	3,425,796	-	-		
B.1.1	Vốn CBĐT các dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030									10,000	10,000				Chuẩn bị đầu tư các dự án Bệnh viện thành phố Pleiku; Ngã ba Hoa Lư ...
B.1.2	Đầu tư các ngành, lĩnh vực									4,118,314	3,118,314	-	-		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế (1)	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch			Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025				Đơn vị thực hiện	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT (1)		Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó:				
						Tổng số	Trong đó: NSDP				NSDP	Trong đó			
												Thu hồi các khoản ứng trước NSDP	Thanh toán nợ XDCB		
I	Y tế, dân số và gia đình									120,000	20,000	-	-		
(1)	Dự án khởi công mới hoàn thành sau năm 2025									120,000	20,000	-	-		
1	Xây dựng bệnh viện 331	Pleiku	Xây dựng mới bệnh viện quy mô 200 giường bệnh và đầu tư trang thiết bị	2024-2026		300,000	300,000			120,000	20,000			Sở Y tế lập BCĐXCTĐT	Giai đoạn 2021-2025 bố trí 100 tỷ vốn xố số kiến thiết, 20 tỷ tiền sử dụng đất
II	Văn hóa, thông tin									220,000	220,000	-	-		
II.1	Văn hóa									220,000	220,000	-	-		
(1)	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025									220,000	220,000	-	-		
1	Nhà hát, trung tâm triển lãm văn hóa, nghệ thuật và Thư viện tổng hợp tỉnh Gia Lai	Pleiku	Bao gồm tổ hợp các công trình văn hóa nhà hát; trung tâm triển lãm, thư viện tỉnh. Trong đó: Nhà hát: Đảm bảo tiêu chuẩn, quy mô để tổ chức các hội diễn nghệ thuật mang tầm quốc gia. Trưng bày triển lãm: Bao gồm phòng hội thảo; phòng làm việc; không gian trưng bày, triển lãm nghệ thuật trong nhà và ngoài trời. Thư viện tổng hợp tỉnh diện tích xây dựng 5.000m2 và các hạng mục phụ trợ khác	2022-2024		200,000	200,000			200,000	200,000			Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch lập BCĐXCTĐT	
2	Hạ tầng di tích Tây Sơn Thượng Đạo	Gia Lai	Hạ tầng giao thông vào các điểm di tích, khu du lịch gồm các nhánh: Nhánh 1: Đường từ khu di tích Vườn mít - cánh đồng cô Hầu đến Vườn thực nghiệm Asean L=7Km; Nhánh 2: đường vào Hòn đá ông Nhạc L=0,58Km; Nhánh 3: điểm đầu giáp đường BTXM điểm cuối giáp đường mòn hiện hữu L=1Km	2021	318/NQ-HĐND ngày 25/2/2021	20,000	20,000			20,000	20,000			BQL các DA ĐTXD	
III	Bảo vệ môi trường									495,979	495,979	-	-		
III.1	Tài nguyên									495,979	495,979	-	-		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế (1)	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch			Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025				Đơn vị thực hiện	Ghi chú		
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT (1)		Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó:				
						Tổng số	Trong đó: NSDP						NSDP			Trong đó	
																Thu hồi các khoản ứng trước NSDP	Thanh toán nợ XDCB
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong 2021-2025									495,979	495,979	-	-				
1	Dự án tổng thể xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu địa chính tỉnh Gia Lai.	các huyện, thị xã, thành phố	Đo đạc, lập bản đồ địa chính, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính	2018-2022	455/QĐ-UBND ngày 01/10/2018	1,316,321	1,316,321	97,561	97,561	450,979	450,979			Sở TNMT			
2	Cấm mốc bảo vệ hành lang nguồn nước tỉnh Gia Lai	các huyện, thị xã, thành phố	Cấm mốc bảo vệ hành lang an toàn nguồn nước theo quy định Nghị định 43/2015/NĐ-CP	2023-2024		53,000	45,000			45,000	45,000			Sở TNMT lập BCĐXCTĐT	Thực hiện Quyết định số 210/QĐ-UBND ngày 05/4/2021 của UBND tỉnh; TMĐT dự án 53 tỷ đồng, vốn ĐTC 45 tỷ đồng, 8 tỷ đồng nguồn thu tiền cấp quyền khai thác TNN		
(2)	Dự án khởi công mới hoàn thành sau năm 2025																
IV	Các hoạt động kinh tế									2,960,624	2,060,624	-	-				
IV.1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi									633,724	633,724	-	-				
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong 2021-2025									9,411	9,411	-	-				
1	Xây dựng hồ chứa nước Tàu Dầu 2 huyện Đak Pơ	Đak Pơ	Cụm công trình đầu mối, hệ thống ống cấp nước phục vụ sản xuất và công trình trên tuyến ống, công trình phụ trợ	2018-2020	986/QĐ-UBND ngày 25/9/2018	197,000	29,320	166,047	19,909	9,411	9,411			BQL các DA ĐTXD			

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế (1)	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch		Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025				Đơn vị thực hiện	Ghi chú		
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT (1)		Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số			Trong đó:	
						Tổng số	Trong đó: NSDP								NSDP	Trong đó
												Thu hồi các khoản ứng trước NSDP	Thanh toán nợ XDCB			
(2)	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025									624,313	624,313	-	-			
1	Vốn đối ứng các Chương trình mục tiêu quốc gia	các huyện, thị xã, thành phố		2021-2025						624,313	624,313			UBND các huyện, thị xã, TP		
IV.2	Giao thông									2,294,900	1,394,900	-	-			
(1)	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025									1,929,900	1,029,900	-	-			
1	Đường hành lang kinh tế phía Đông (đường tránh Quốc lộ 19)	Pleiku,Đak Đoa, Chư Păh	Đường cấp II trung du; L=16Km	2022-2025		1,200,000	300,000			1,200,000	300,000			Sở GTVT lập BCĐXCTĐT	NSTW 900 tỷ đồng, NSDP 300 tỷ đồng	
2	Đường Lê Đại Hành (đoạn từ đường Vạn Kiếp - Ngã tư Biển Hồ), thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Pleiku	Chiều dài khoảng 3,61Km; Bn = 30m; Bm = 21,0m; hệ thống thoát nước và các hạng mục phụ	2021-2022	317/NQ-HĐND ngày 25/02/2021	124,000	124,000			124,000	124,000			UBND thành phố Pleiku		
3	Đường nối từ đường Lý Thường Kiệt đến đường vành đai phía Bắc, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai	An Khê	Tổng chiều dài tuyến L=1,73Km, nền đường Bn=20m, mặt đường BTN Bm= 10m.	2021-2022	335/NQ-HĐND ngày 25/2/2021	30,000	30,000			30,000	30,000			UBND thị xã An Khê		
4	Thông tuyến đường Nguyễn Huệ (đoạn từ Bệnh viện đến đường vành đai 1), thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai	Ayun Pa	L= 843m, đường BTXM, Bn: 9,5m, Bm: 7,5m; hệ thống thoát nước.	2021	328/NQ-HĐND ngày 25/02/2021	14,900	14,900			14,900	14,900			UBND thị xã Ayun Pa		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế (1)	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch	Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025				Đơn vị thực hiện	Ghi chú		
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT (1)		Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó:				
						Tổng số	Trong đó: NSDP				NSDP			Trong đó	
														Thu hồi các khoản ứng trước NSDP	Thanh toán nợ XDCB
5	Đường Phan Đình Phùng, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai	Chư Sê	Tổng chiều dài tuyến L=874m; Bn=24m; Bm=15m; hệ thống thoát nước và các hạng mục phụ	2021-2022	319/NQ-HĐND ngày 25/2/2021	30,000	30,000			30,000	30,000			UBND huyện Chư Sê	
6	Đường liên xã Phú Cần – Ia Rmok, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai	Krông Pa	L= 1,89km; L1=1,47Km, Bn=7,5m, Bm=5,5m xây dựng mới đường BTXM ; L2=0,42Km, Bn=7,5m, mặt đường BTXM mở rộng từ 3,5m lên 5,5m	2021	329/NQ-HĐND ngày 25/2/2021	10,000	10,000			10,000	10,000			UBND huyện Krông Pa	
7	Đường Phan Bội Châu, thị trấn Chư Prông, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai (Hạng mục Cầu bê tông cốt thép và các hạng mục phụ)	Chư Prông	Tuyến đường dài 140m, Bn=9m; Bm=7m; trong đó có 01 cầu bê tông cốt thép dài 40m rộng 8m	2021-2022	320/NQ-HĐND ngày 25/2/2021	14,500	14,500			14,500	14,500			UBND huyện Chư Prông	
8	Đường giao thông trực xã Ia Hiao, Xã Ia Peng, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai	Phú Thiện	L=7,8km, đường giao thông nông thôn cấp A	2021-2022	326/NQ-HĐND ngày 25/2/2021	21,000	21,000			21,000	21,000			UBND huyện Phú Thiện lập BCĐXCTĐT	
9	Đường liên xã Ia Băng – Pa Pết, huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai	Đak Đoa	Công trình giao thông cấp IV L=9,1Km; Bn=6,5m; Bm=5,5m	2021-2022	323/NQ-HĐND ngày 25/02/2021	20,000	20,000			20,000	20,000			UBND huyện Đak Đoa	
10	Đường Hai Bà Trưng, thị trấn Kbang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai	Kbang	Tổng chiều dài tuyến L=2.795,50m; Bn=20,0m; Bm=10,5m; hoàn thiện hệ thống thoát nước +Vía hè, cây xanh.	2021-2022	325/NQ-HĐND ngày 25/02/2021	55,000	55,000			55,000	55,000			UBND huyện Kbang	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế (1)	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch		Lũy kế số vốn bỏ trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025				Đơn vị thực hiện	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT (1)		Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó:				
						Tổng số	Trong đó: NSDP				NSDP	Trong đó			
												Thu hồi các khoản ứng trước NSDP			Thanh toán nợ XDCB
11	Đường vào làng Đê Kôn, xã H'ra, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai	Mang Yang	L=6,6Km; Bm=3,5 - 5,5m (Bm=5,5m áp dụng cho đoạn đông dân cư Km0+Km3+700); Bn=5- ,56m (Bn=6,5m áp dụng cho các đoạn có gia cố rãnh dọc); mặt đường BTXM	2021-2022	312/NQ-HĐND ngày 25/2/2021	34,000	34,000			34,000	34,000			UBND huyện Mang Yang	
12	Đường giao thông huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai	Chư Păh	L=3Km; mặt đường rộng 21m; dải phân cách 2m; vỉa hè rộng 2x5=10m	2021-2024	332/NQ-HĐND ngày 25/2/2021	90,000	90,000			90,000	90,000			UBND huyện Chư Păh	
13	Đường Nguyễn Tất Thành (đoạn đường Lê Lợi đến đường Hùng Vương), huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai	Đak Pơ	L=1,41km, mặt đường rộng 17,6m kê cả hai bên phân cách rộng 2m, rãnh thoát nước rộng 0.3mx2=0.6m, nền đường rộng Bn= 25m.	2021-2022	334/NQ-HĐND ngày 25/2/2021	23,000	23,000			23,000	23,000			UBND huyện Đak Pơ	
14	Đường giao thông kết nối thị trấn Chư Ty đến xã Ia Dơk, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai	Đức Cơ	Tổng chiều dài 4,3km; đoạn tuyến thuộc bản đồ quy hoạch thị trấn Chư Ty dài 0,93km, Bn=11,5-15,2m, Bm=10,5m, mặt đường bê tông nhựa; Đoạn tuyến thuộc bản đồ quy hoạch xã Ia Dơk dài 3,37km, Bn=9,5k, Bm=6m, mặt đường bê tông nhựa	2021-2022	333/NQ-HĐND ngày 25/2/2021	59,000	59,000			59,000	59,000			UBND huyện Đức Cơ	
15	Đường liên xã Ia Dêr - Ia Bă, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai	Ia Grai	Tổng chiều dài tuyến thiết kế L=9,8Km; Bn=7,5m; Bm=5,5m mặt đường bê tông nhựa; công trình thoát nước	2021-2022	322/NQ-HĐND ngày 25/02/2021	50,000	50,000			50,000	50,000			UBND huyện Ia Grai	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế (1)	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch		Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025				Đơn vị thực hiện	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT (1)		Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó:				
						Tổng số	Trong đó: NSDP				NSDP	Trong đó			
												Thu hồi các khoản ứng trước NSDP			Thanh toán nợ XDCB
16	Đường quy hoạch giao thông Đ2; Đ3 kết hợp kênh mương thoát nước, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai	Kông Chro	Xây dựng 02 tuyến đường Đ2, Đ3 với tổng chiều dài 540m; Bn=12m; Bm=5,5m; xây dựng kênh mương thoát nước dài 270m giữa hai tuyến đường Đ2, Đ3	2021-2022	324/NQ-HĐND ngày 25/02/2021	14,500	14,500			14,500	14,500			UBND huyện Kông Chro	
17	Đường liên xã phía Đông sông Ba, huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai	Ia pa	Tổng chiều dài tuyến L=14,2km, đường cấp IV miền núi	2021-2022	327/NQ-HĐND ngày 25/02/2021	30,000	30,000			30,000	30,000			UBND huyện Ia Pa	
18	Đường phía Đông thị trấn Nhon Hòa, huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai	Chư Pưh	Dài 6,61km, Bn= 9,5m; Bm=7,5m, mặt đường bê tông nhựa	2021-2023	331/NQ-HĐND ngày 25/2/2021	70,000	70,000			70,000	70,000			UBND huyện Chư Pưh	
19	Đường nội thị thị trấn Ia Kha huyện Ia Grai	Ia Grai	Đường nội thị thị trấn Ia Kha L=4,68km (Đường Đinh Tiên Hoàng, Tăng Bạt Hổ, Huỳnh Thúc Kháng, Quang Trung, Hoàng Hoa Thám, Rơ Châm Ớt, Nguyễn Việt Xuân)	2023-2025		40,000	40,000			40,000	40,000			UBND huyện Ia Grai lập BCĐXCTĐT	
(2)	Dự án khởi công mới hoàn thành sau năm 2025									365,000	365,000	-	-		
1	Đường Lê Thánh Tôn (đoạn từ Trường Chính trị đến trường Lâm Nghiệp)	Pleiku	Chiều dài tuyến : L=4,1Km . Chi giới xây dựng 30m.	2024-2026		160,000	160,000			50,000	50,000			UBND thành phố Pleiku lập BCĐXCTĐT	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế (1)	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch		Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025				Đơn vị thực hiện	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT (1)		Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó:				
						Tổng số	Trong đó: NSDP				NSDP	Trong đó			
												Thu hồi các khoản ứng trước NSDP			Thanh toán nợ XDCB
2	Đường nội thị thị trấn Kông Chro, huyện Kông Chro	Kông Chro	Đường vành đai thị trấn Kông Chro (đoạn từ TL 667 đến đường Lê Lai) 5,7Km Đường Nguyễn Trãi thị trấn Kông Chro 1,1Km Đường quy hoạch D7 thị trấn Kông Chro (từ đường Võ Thị Sáu đến đường Trần Phú) 0,326 Km	2024-2026		90,000	90,000			45,000	45,000			UBND huyện Kông Chro lập BCĐXCTĐT	
3	Đường giao thông huyện Krông Pa	Krông Pa	Xây dựng 03 tuyến đường nội thị thị trấn Phú Túc dài khoảng 2,84km bao gồm các tuyến đường: Tô Vĩnh Diện, Trần Hưng Đạo, đường quy hoạch D2 Đường giao thông kết nối thị trấn Phú Túc, Phú Cần, Ia Mlah dài 7,5km	2024-2026		80,000	80,000			40,000	40,000			UBND huyện Krông Pa lập BCĐXCTĐT	
4	Đường giao thông huyện Chư Prông	Chư Prông	Gồm 8 tuyến đường, tổng chiều dài khoảng L=7,534Km bao gồm các tuyến đường Hùng Vương, Đường Tôn Thất Tùng, Đường Hai Bà Trưng, Đường Lê Hồng Phong, Đường Trần Phú, Đường Ngô Gia Tự, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Đường D8	2024-2026		75,000	75,000			40,000	40,000			UBND huyện Chư Prông lập BCĐXCTĐT	
5	Đường giao thông huyện Đak Đoa	Đak Đoa	Xây dựng 07 tuyến đường nội thị trong khu trung tâm hành chính huyện Đak Đoa với tổng chiều dài 3,265km	2024-2026		70,000	70,000			30,000	30,000			UBND huyện Đak Đoa lập BCĐXCTĐT	
6	Đường liên xã huyện Phú Thiện	Phú Thiện	Tổng chiều dài 9,7km; cụ thể: Xã Ia Ake (đường A1 vào cụm Công nghiệp huyện): L=2,1km, mặt đường BTXM rộng 7m, cầu qua kênh chính Ayun Hạ; Xã Chư A Thai: L=2,5km; xã Ia Yeng: L=1,3km; Xã Ia Piar: L=1,8km; xã Ia Sol: L=2km, mặt đường BTXM rộng 3,5m và hệ thống thoát nước	2024-2026		70,000	70,000			30,000	30,000			UBND huyện Phú Thiện lập BCĐXCTĐT	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế (1)	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch		Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025				Đơn vị thực hiện	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT (1)		Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó:				
						Tổng số	Trong đó: NSDP				NSDP	Trong đó			
												Thu hồi các khoản ứng trước NSDP			Thanh toán nợ XDCB
7	Đường liên xã huyện Đak Pơ	Đak Pơ	Đường từ thị trấn Đak Pơ đi xã Yang Bắc, Tân An L=7,6Km; Đường liên xã Tân An, Yang Bắc đi Đông Trường Sơn L=10,13Km; Đường từ núi Đá lửa thôn An Định xã Cư An đến xã Kông Long Khong huyện Kbang L=3,3km	2024-2026		70,000	70,000			30,000	30,000			UBND huyện Đak Pơ lập BCĐXCTĐT	
8	Đường nội thị huyện Mang Yang	Mang Yang	Xây dựng các tuyến đường nội thị gồm 5 nhánh với tổng chiều dài 5,48km (Đường Trần Phú 0,812km; Đường Quang Trung 0,618km; Đường Lê Quý Đôn 1,509km; Đường Vành Đai Bắc 0,858km; Đường quy hoạch D1 1,686km)	2024-2026		70,000	70,000			30,000	30,000			UBND huyện Mang Yang lập BCĐXCTĐT	
9	Đường nội thị huyện Ia Pa	Ia Pa	Hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng các tuyến đường trong quy hoạch nội thị trung tâm huyện, tổng chiều dài 5,207Km (đầu tư mới 1,86Km; cạp lề mở rộng 3,347km)	2024-2026		60,000	60,000			30,000	30,000			UBND huyện Ia Pa lập BCĐXCTĐT	
10	Nâng cấp mở rộng Đường Tăng Bạt Hổ, thị trấn Chư Ty	Đức Cơ	Chiều dài tuyến L=1,95Km, Bề rộng mặt đường Bm=10,5m, mặt đường bê tông nhựa C19 dày 7cm, đan rãnh, bó vỉa, vỉa hè, hệ thống điện chiếu sáng công cộng và hoàn chỉnh hệ thống thoát nước	2025-2026		35,000	35,000			15,000	15,000			UBND huyện Đức Cơ lập BCĐXCTĐT	
11	Đường giao thông quy hoạch Tây Sông Ba huyện Kbang	Kbang	Đường giao thông quy hoạch Tây Sông Ba gồm 3 nhánh với tổng chiều dài 2,56Km (đường QH N1 1,1Km; Đường QH N2 0,72km; Đường QH N3 0,72km)	2025-2026		35,000	35,000			15,000	15,000			UBND huyện Kbang lập BCĐXCTĐT	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế (1)	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch		Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025				Đơn vị thực hiện	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT (1)		Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó:				
						Tổng số	Trong đó: NSDP				NSDP	Trong đó			
												Thu hồi các khoản ứng trước NSDP			Thanh toán nợ XDCB
12	Đường nội thị huyện Chư Pưh	Chư Pưh	Đường Quang Trung L=2Km; Bn=10m; Bm=7,5m mặt đường bê tông nhựa; Đường kết nối phát triển các khu dân cư khu vực UBND thị trấn Nhơn Hòa L=1,432km	2025-2026		20,000	20,000			10,000	10,000			UBND huyện Chư Pưh lập BCĐXCTĐT	
IV.3	Cấp nước, thoát nước									32,000	32,000	-	-		
(1)	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025									32,000	32,000	-	-		
1	Cải tạo, mở rộng hệ thống cấp nước Khu kinh tế cửa khẩu Quốc tế Lệ Thanh, tỉnh Gia Lai	Đức Cơ	Xây dựng trạm nước thô khai thác nước sông Sê San công suất 3200m3/ngày đêm; xây dựng mới tuyến ống dẫn nước thô dài 9,2Km; xây dựng trạm biến áp, bể chứa nước sạch 600m3; hoàn chỉnh các hạng mục phụ trợ	2021	305/NQ-HĐND ngày 25/2/2021	32,000	32,000			32,000	32,000			BQL khu kinh tế tỉnh	
IV	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.									321,711	321,711	-	-		
(1)	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025									321,711	321,711	-	-		
1	Khu trụ sở làm việc các cơ quan cấp tỉnh	Pleiku	Cải tạo Liên cơ quan 1; xây mới Liên cơ quan 2 (dự kiến xây mở rộng thêm 2 khối nhà 9 tầng; DTXD 2764m2; DT sàn 13554m2; nhà bảo vệ, nhà để xe máy; sân đường, hoa viên cây xanh, hàng rào, cổng, san nền).	2022-2024		240,000	240,000			240,000	240,000			Sở Xây dựng lập BCĐXCTĐT	
2	Trụ sở HĐND-UBND thành phố Pleiku	Pleiku	Xây mới nhà làm việc 05-07 tầng và các hạng phụ + Thiết bị	2023-2025		150,000	40,000			40,000	40,000			UBND thành phố Pleiku lập BCĐXCTĐT	NST 40 tỷ đồng, còn lại ngân sách thành phố

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế (1)	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch	Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025				Đơn vị thực hiện	Ghi chú		
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT (1)		Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó:				
						Tổng số	Trong đó: NSDP				NSDP			Thu hồi các khoản ứng trước NSDP	Thanh toán nợ XDCB
3	Trung tâm hoạt động thanh thiếu niên tỉnh Gia Lai	Pleiku	Xây dựng mới Nhà thiếu nhi 3 tầng DTXD 1150m ² ; sửa chữa nhà làm việc, nhà khách và các hạng mục phụ	2024-2025		20,000	20,000			20,000	20,000			Sở Xây dựng lập BCĐXCTĐT	
4	Đầu tư xây dựng Trạm kiểm dịch động vật Song An và các trạm quản lý bảo vệ rừng, trạm kiểm lâm	Gia Lai	+ Trạm kiểm dịch động vật Song An (thị xã An Khê): Công trình cấp IV, 1 tầng; DTXD: 110 m ² ; nhà nuôi nhốt, giếng khoan và các hạng mục phụ. + Trạm quản lý bảo vệ rừng Ban quản lý rừng phòng hộ Ia Tul, huyện Ia Pa: Công trình cấp IV, 1 tầng; DTXD: 95 m ² ; giếng khoan và các hạng mục phụ. + Trạm quản lý bảo vệ rừng Ban quản lý rừng phòng hộ Nam Phú Nhon, huyện Chư Pưh: Công trình cấp IV, 1 tầng; DTXD: 95 m ² ; giếng khoan và các hạng mục phụ.	2021	336/NQ-HĐND ngày 25/02/2021	5,711	5,711			5,711	5,711			BQL các dự án ĐTXD	
5	Trụ sở làm việc các ban quản lý rừng phòng hộ	Krông Pa, Chư Pah, Đak Đoa	- Trụ sở BQL RPH Ia Rsai: Nhà làm việc cấp III, 02 tầng, DTXD 200m ² và các hạng mục phụ - Trụ sở BQL RPH Ia Ly: Nhà làm việc cấp III, 02 tầng, DTXD 200m ² và các hạng mục phụ - Trụ sở BQL RPH Đak Đoa:Nhà làm việc cấp III, 2 tầng, diện tích xây dựng 198m2, DTS 364m ² ; Nhà ở công vụ nhà cấp III, 1 tầng DTXD 130m ²	2022-2023		12,000	12,000			12,000	12,000			Sở NNPTNT lập BCĐXCTĐT	Trụ sở BQL RPH Ia Rsai xây dựng năm 2002 với diện tích 117m ² hiện nay đã xuống cấp BQL RPH Ia Ly xây dựng năm 1994 với diện tích 112m ² hiện nay đã xuống cấp Trụ sở BQL RPH Đăk Đoa: Trụ sở hiện tại cách xa lâm phần trên 20Km, để thuận tiện trong công tác quản lý bảo vệ rừng nên chuyển về gần lâm phần.
6	Hạt kiểm lâm huyện Đak Đoa	Đak Đoa	+ Nhà làm việc: Công trình cấp III, 1 tầng; DTXD: 355m ² . + Nhà công vụ: Công trình cấp III, 1 tầng; DTXD: 150 m ² . + Nhà để xe, giếng khoan và các hạng mục phụ trợ.	2,022		4,000	4,000			4,000	4,000			Sở NNPTNT lập BCĐXCTĐT	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế (1)	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch			Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025				Đơn vị thực hiện	Ghi chú		
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT (1)		Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó:				
						Tổng số	Trong đó: NSDP						NSDP			Trong đó	
																Thu hồi các khoản ứng trước NSDP	Thanh toán nợ XDCB
B.1.3	Tiền sử dụng đất của tỉnh điều tiết về các huyện, thị xã, thành phố đầu tư									297,482	297,482						
B.2	TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ ĐẦU TƯ									2,393,560	2,393,560				Chi tiết tại phụ lục 2		
I	Chi đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất									309,037	309,037				Các huyện, thị xã, thành phố nộp về ngân sách tỉnh để thực hiện Dự án tổng thể xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính cơ sở dữ liệu địa chính tỉnh Gia Lai		
II	Tiền sử dụng đất còn lại cho đầu tư									2,084,523	2,084,523						
C	XỔ SỐ KIẾN THIẾT									814,000	794,000	-	-				
	Dự phòng 10%									79,400	79,400						
	Phân bổ 90%									734,600	714,600	-	-				
I	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp									158,500	158,500	-	-				
(1)	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025									158,500	158,500	-	-				
1	Trường THPT Phan Bội Châu, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Pleiku	Công trình dân dụng cấp III: Nhà học 12 phòng 04 tầng DTXD 444m ² ; DTS 1.776m ² ; thiết bị nhà học 12 phòng; các hạng mục phụ	2021	306/NQ-HĐND ngày 25/02/2021	14,000	14,000			14,000	14,000			BQL các dự án ĐTXD			

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế (1)	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch	Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025						Đơn vị thực hiện	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT (1)		Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó:					
						Tổng số	Trong đó: NSDP				NSDP	Trong đó				
												Thu hồi các khoản ứng trước NSDP	Thanh toán nợ XDCB			
2	Trường THPT Lý Thường Kiệt, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai	Ayun pa	Công trình dân dụng cấp III: Nhà học bộ môn DTS 1205m ² ; trang thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập; các hạng mục phụ	2021	307/NQ-HĐND ngày 25/02/2021	10,000	10,000			10,000	10,000			BQL các dự án ĐTXD		
3	Trường THPT Hoàng Hoa Thám, TP Pleiku	Pleiku	Khu nhà hiệu bộ + phòng chức năng 3 tầng	2022		14,500	14,500			14,500	14,500			Sở Giáo dục và Đào tạo lập BCĐXCTĐT	Hiện trường có 37 lớp, 1597 học sinh; CSVC hiện tại có 21 phòng học xây dựng năm 1995 đã xuống cấp; 04 phòng thực hành; 04 phòng học bộ môn; thư viện; Khu hiệu bộ XD năm 1996;	
4	Trường THPT Nguyễn Khuyến, TX An Khê (xây dựng mới)	An Khê	Nhà hiệu bộ, thư viện, nhà học lý thuyết, nhà học bộ môn và các hạng mục phụ	2022-2023		20,000	20,000			20,000	20,000			Sở Giáo dục và Đào tạo lập BCĐXCTĐT	Cơ sở cũ giao lại cho trường tiểu học, chuyển trường sang vị trí mới	
5	Trường THPT Nguyễn Trường Tộ, huyện Đức Cơ	Đức Cơ	Nhà học bộ môn, nhà học lý thuyết, trang thiết bị và các hạng mục phụ	2023		10,000	10,000			10,000	10,000			Sở Giáo dục và Đào tạo lập BCĐXCTĐT	Hiện trường có 13 lớp, 533 học sinh; CSVC hiện tại có 10 phòng học; 01 dãy nhà thực hành, nhà hiệu bộ. Cần thiết phải đầu tư bổ sung hạng mục còn thiếu: Nhà học bộ môn, nhà học lý thuyết, trang thiết bị và các hạng mục phụ)	
6	Trường THPT Nguyễn Du, huyện Krông Pa	Krông Pa	Nhà học bộ môn, trang thiết bị và các hạng mục phụ	2023	-	6,000	6,000			6,000	6,000			Sở Giáo dục và Đào tạo lập BCĐXCTĐT	Hiện trường có 15 lớp, 658 học sinh; CSVC hiện tại có 10 phòng học; 01 dãy nhà thực hành, nhà hiệu bộ. Cần thiết phải đầu tư bổ sung hạng mục còn thiếu: Nhà học bộ môn; trang thiết bị và các hạng mục phụ.	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế (1)	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch		Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025				Đơn vị thực hiện	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT (1)		Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó:				
						Tổng số	Trong đó: NSDP				NSDP	Trong đó			
												Thu hồi các khoản ứng trước NSDP			Thanh toán nợ XDCB
7	Trường THPT Nguyễn Chí Thanh, TP Pleiku	Pleiku	Nhà học bộ môn (tin học, ngoại ngữ; công nghệ, thư viện, âm nhạc)	2023		8,000	8,000			8,000	8,000			Sở Giáo dục và Đào tạo lập BCĐXCTĐT	Hiện trường có 38 lớp, 1640 học sinh; CSVC hiện tại có 24 phòng học lý thuyết; 03 phòng học thực hành; 01 nhà đa năng; dãy nhà hiệu bộ; Chưa có các phòng học (tin học, ngoại ngữ; công nghệ, thư viện, âm nhạc)
8	Trường THPT Trường Chinh, huyện Chư Sê	Chư Sê	Nhà hiệu bộ	2024	-	6,000	6,000			6,000	6,000			Sở Giáo dục và Đào tạo lập BCĐXCTĐT	Hiện trường có 23 lớp, 1000 học sinh; CSVC hiện tại có 01 dãy nhà hiệu bộ xây dựng từ 2008; chưa có thư viện, phòng đoàn đội, phòng y tế. Cần thiết phải đầu tư xây dựng bổ sung 01 dãy nhà hiệu bộ tại vị trí khuôn viên của trường.
9	Trường THPT Lê Quý Đôn, huyện Chư Prông	Chư Prông	Nhà học lý thuyết, các hạng mục phụ	2022-2023		15,000	15,000			15,000	15,000			Sở Giáo dục và Đào tạo lập BCĐXCTĐT	Hiện trường có 30 lớp, 1350 học sinh; CSVC hiện tại có 01 dãy 04 phòng xây dựng 1994, và 01 dãy 08 phòng xây dựng 1984. Đề nghị bổ sung thêm dãy phòng học

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế (1)	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch		Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025				Đơn vị thực hiện	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT (1)		Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó:				
						Tổng số	Trong đó: NSDP				NSDP	Trong đó			
												Thu hồi các khoản ứng trước NSDP			Thanh toán nợ XDCB
10	Trường THPT A Sanh huyện Ia Grai	Ia Grai	Xây dựng 10 phòng học	2025		8,000	8,000			8,000	8,000			Sở Giáo dục và Đào tạo lập BCĐXCTĐT	Hiện trạng: Nhà học lý thuyết 03 tầng - 12 phòng; Nhà học bộ môn 02 tầng 4 phòng; nhà hiệu bộ 02 tầng - 07 phòng; Nhà đa năng. Dự báo trong 3 năm tiếp theo số HS tăng rất nhanh, số phòng học dự kiến năm học 2023-2024 là 28 phòng, cần thiết đầu tư đảm bảo phòng học theo quy định tại Thông tư số 140/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020
11	Đầu tư hệ thống giáo dục thông minh	Pleiku	Đầu tư trang bị phòng học tiên tiến cho các trường THPT; hệ thống camera giám sát các vị trí xung yếu, thiết bị tích hợp, truyền tải thông tin từ trường, trung tâm về Trung tâm điều hành tỉnh; Phần mềm kết nối điều hành thông minh	2021	308/NQ-HĐND ngày 25/2/2021	18,000	18,000			18,000	18,000			Sở Giáo dục và Đào tạo	
12	Xây dựng hệ thống E-learning (học trực tuyến)	Pleiku	Đầu tư xây phòng học trực tuyến, hội nghị truyền hình với các phương tiện kỹ thuật hiện đại về hình ảnh, âm thanh, kết nối internet tốc độ cao đảm bảo cho việc thao giảng, dự giờ, giảng dạy và học tập trực tuyến qua mạng; kết nối với các hệ thống phòng họp các trường học trên địa bàn Pleiku, với các hệ thống phòng học trực tuyến khác của các trường, hệ thống giáo dục trong cả nước	2022-2023		29,000	29,000			29,000	29,000			Sở Giáo dục và Đào tạo lập BCĐXCTĐT	Thực hiện Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 08/2/2021 UBND tỉnh ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Đề án Xây dựng thành phố Pleiku theo hướng đô thị thông minh giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030
II	Y tế, dân số và gia đình									442,000	422,000	-	-		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế (1)	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch		Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025				Đơn vị thực hiện	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT (1)		Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó:				
						Tổng số	Trong đó: NSDP				NSDP	Trong đó			
												Thu hồi các khoản ứng trước NSDP			Thanh toán nợ XDCB
(1)	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025									202,000	202,000	-	-		
1	Đầu tư trang thiết bị y tế các bệnh viện tuyến tỉnh và tuyến huyện	Gia Lai	Đầu tư mua sắm trang thiết bị y tế tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh; Bệnh viện Nhi; Bệnh viện 331; TTYT thị xã An Khê; TTYT thị xã Ayun Pa; TTYT huyện Kbang; TTYT huyện Phú Thiện	2021	311/NQ-HĐND ngày 25/02/2021	40,000	40,000			40,000	40,000			Sở Y tế	
2	Trung tâm y tế thị xã An Khê	An Khê	Khoa ngoại tổng hợp và phòng mổ (khoảng 52 giường bệnh): nhà 2 tầng DTXD 500m2; DTS 1000m2; sửa chữa khu khám bệnh cũ, hệ thống chiếu sáng khuôn viên bệnh viện, hệ thống phòng cháy chữa cháy và cầu nổi; các hạng mục phụ; hệ thống xử lý rác thải rắn nguy hại của bệnh viện	2021	310/NQ-HĐND ngày 25/02/2021	18,000	18,000			18,000	18,000			BQL các dự án ĐTXD	TTYT được đầu tư xây dựng vào năm 2006, đến nay nhiều hạng mục đã xuống cấp, dẫn đến tình trạng ô nhiễm ảnh hưởng đến chất lượng khám chữa bệnh
3	Trung tâm y tế huyện Đak Đoa	Đak Đoa	Khoa khám bệnh, khoa dược, TTB, vật tư y tế, hệ thống xử lý chất thải y tế	2022-2023		20,000	20,000			20,000	20,000			Sở Y tế lập BCĐXCTĐT	CSVC khoa khám bệnh được xây dựng từ năm 1997, DTXD 200m2, cấp IV; đến nay đã xuống cấp
4	Trung tâm y tế huyện Mang Yang	Mang Yang	Khoa ngoại sản, khoa nội nhi nhiễm, hệ thống xử lý chất thải y tế.	2022-2023		20,000	20,000			20,000	20,000			Sở Y tế lập BCĐXCTĐT	TTYT được xây dựng năm 2003 với quy mô 50 giường, năm 2017 đã được tăng lên 75 giường; bệnh viện luôn trong tình trạng quá tải, các khoa, phòng xuống cấp, không đáp ứng tiêu chuẩn, các khoa phòng phải ghép, số giường bệnh thực kê là 95 giường
5	Trung tâm y tế thị xã Ayun Pa	Ayun Pa	Khu điều trị hồi sức trung tâm, khu điều trị nội nhi, khu phòng mổ và cải tạo, mở rộng khoa dược	2022-2023		20,000	20,000			20,000	20,000			Sở Y tế lập BCĐXCTĐT	Hiện trạng TTYT đang quá tải, công suất giường bệnh các năm 2017-2019 trên 120%

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế (1)	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch		Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025				Đơn vị thực hiện	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT (1)		Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó:				
						Tổng số	Trong đó: NSDP				NSDP	Trong đó			
												Thu hồi các khoản ứng trước NSDP			Thanh toán nợ XDCB
6	Trang thiết bị bệnh viện vệ tinh ung bướu - Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Pleiku	Mua sắm máy xạ trị	2023-2024		60,000	60,000			60,000	60,000			Sở Y tế lập BCĐXCTĐT	
7	Đầu tư hệ thống chất thải rắn y tế nguy hại tại Bệnh viện Đa Khoa tỉnh	Pleiku	Đầu tư hệ thống xử lý chất thải rắn tại Bệnh viện Đa Khoa tỉnh	2024-2025		24,000	24,000			24,000	24,000			Sở Y tế lập BCĐXCTĐT	Thực hiện Quyết định số 365/QĐ-UBND ngày 04/8/2020 UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Gia Lai
(3)	Dự án khởi công mới hoàn thành sau năm 2025									240,000	220,000	-	-		
1	Xây dựng mới và trang thiết bị y tế cho khối phụ - sản của Bệnh viện Nhi	Pleiku	Quy mô 200 giường	2024-2026		200,000	200,000			100,000	100,000			Sở Y tế lập BCĐXCTĐT	Hiện nay trên địa bàn thành phố Pleiku chỉ có các khoa sản thuộc các bệnh viện với quy mô nhỏ, chưa có cơ sở khám chữa bệnh sản khoa, phụ khoa chuyên biệt, chất lượng cao
2	Trung tâm y tế huyện Kbang	Kbang	Đầu tư xây dựng mới Trung tâm y tế huyện	2024-2026		70,000	60,000			20,000	20,000			Sở Y tế lập BCĐXCTĐT	NST 60 tỷ đồng, NS huyện 10 tỷ đồng, giai đoạn 2021-2025 bố trí 20 tỷ đồng
3	Xây dựng bệnh viện 331	Pleiku	Xây dựng mới bệnh viện quy mô 200 giường bệnh và đầu tư trang thiết bị	2024-2026		300,000	300,000			120,000	100,000			Sở Y tế lập BCĐXCTĐT	Giai đoạn 2021-2025 bố trí 100 tỷ vốn xổ số kiến thiết, 20 tỷ tiền sử dụng đất
III	Các hoạt động kinh tế									134,100	134,100	-	-		
III.1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi									134,100	134,100	-	-		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế (1)	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch			Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025				Đơn vị thực hiện	Ghi chú		
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT (1)		Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó:				
						Tổng số	Trong đó: NSDP						NSDP			Trong đó	
																Thu hồi các khoản ứng trước NSDP	Thanh toán nợ XDCB
(1)	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025									134,100	134,100	-	-				
1	Vốn đối ứng các Chương trình mục tiêu quốc gia			2021-2025						134,100	134,100			Các huyện, thị xã, TP			
D	Bội chi ngân sách địa phương (2)									50,100	50,100						
E	Vốn xử lý hụt thu năm 2019, 2020									333,068	333,068	325,491			Chi tiết tại phụ lục 3		

Ghi chú: (1) Tổng mức đầu tư và năng lực thiết kế đối với các dự án là dự kiến, trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư dự án điều chỉnh cho phù hợp yêu cầu thực tế
(2) Bảng với bội chi ngân sách địa phương năm 2021. Các năm tiếp thep sẽ được bổ sung từ nguồn dự phòng chung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương

Biểu số 3

DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 346 /NQ-HĐND ngày 09/5/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai)

ĐVT: triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế (1)	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch		Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Đơn vị thực hiện	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT (1)		Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	NSTW	Trong đó:			
						Tổng số	Trong đó: NSTW					Thu hồi các khoản ứng trước NSTW			Thanh toán nợ XDCB
	TỔNG CỘNG								6,104,336	5,772,326	59,537	-			
I	Quốc phòng									156,000	156,000	-	-		
(1)	Dự án hoàn thành trước 2021														
(2)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong 2021-2025									16,000	16,000	-	-		
1	Đường vào đồn Biên phòng 719	Ia Grai	Đường cấp VI miền núi L=19,8km, công trình thoát nước	2016-2020	294a/QĐ-UBND ngày 31/3/2016	80,000	80,000	56,000	56,000	16,000	16,000			BCH Bộ đội biên phòng tỉnh	
(3)	Dự án khởi công mới									140,000	140,000	-	-		
1	Khắc phục, sửa chữa Đường từ Quốc lộ 14C xã Ia Pnôn vào Đồn Biên phòng 725; đường từ Quốc lộ 14C xã Ia Puch qua trạm kiểm soát 383/Đồn Biên phòng 727; đường từ Quốc lộ 14C xã Ia Mơ vào Đồn Biên phòng 731 (giai đoạn 2)	Đức Cơ, Chư Prông	Đường nhánh tuần tra biên giới và công trình trọng điểm bảo vệ biên giới: Đường BTXM dài 19,5 Km, Bn=5,5m; Bm=3,5m Khắc phục, sửa chữa Đường từ Quốc lộ 14C xã Ia Pnôn vào Đồn Biên phòng 725; đường từ Quốc lộ 14C xã Ia Puch qua trạm kiểm soát 383/Đồn Biên phòng 727; đường từ Quốc lộ 14C xã Ia Mơ vào Đồn Biên phòng 731 (giai đoạn 2): Đường cấp IV miền núi L=14,54Km, Bn=6m; Bm=3,5m; mặt đường bê tông đá 1x2 M300 dày 20cm	2022-2024		140,000	140,000			140,000	140,000			BCH Bộ đội biên phòng tỉnh lập báo cáo ĐXCĐT	UBND tỉnh có Tờ trình số 1772/TTr-UBND ngày 27/8/2020 xin bố trí 180 tỷ đồng; Quyết định số 2255/QĐ-TTg ngày 30/12/2020 của TTCP bố trí 40 tỷ đồng, đối với số vốn còn thiếu ưu tiên bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế (1)	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch			Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Đơn vị thực hiện	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT (1)		Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	NSTW	Trong đó:			
						Tổng số	Trong đó: NSTW					Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		
II	Môi trường									200,000	200,000	-	-		
(1)	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025									200,000	200,000	-	-		
1	Kè chống sạt lở Suối Hội Phú (đoạn từ đường Lê Thánh Tôn đến đường Nguyễn Trung Trực - Chùa Minh Thành), thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Pleiku	Kè dài 1,925 km dọc suối và hệ thống đường giao thông, hệ thống điện chiếu sáng, đường dạo bộ và cầu qua suối hoàn chỉnh.	2023-2025		300,000	200,000			200,000	200,000			UBND thành phố Pleiku lập BCĐXCTĐT	TMĐT dự án 300 tỷ đồng, NSTW 200 tỷ đồng, NS thành phố 100 tỷ đồng
III	Các hoạt động kinh tế									5,748,336	5,416,326	59,537	-		
III.1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi									775,771	742,771	59,537	-		
(1)	Dự án hoàn thành trước 2021									59,537	59,537	59,537	-		
1	Hệ thống cấp nước sinh hoạt huyện Ia Pa (dẫn nước từ hồ chứa Ayun Hạ về thị trấn Ia Pa)	Phú Thiện, Ia Pa	Công suất 4000 m ³ / ngày đêm	2016-2017	1009/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	90,000	67,000	31,174	31,174	35,826	35,826	35,826		BQL các DA ĐTXD	Chủ đầu tư thực hiện thủ tục hoàn ứng
2	Sửa chữa nâng cấp hồ chứa nước Hà Ra Nam, Hà Ra Bắc, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai	Mang Yang	Sửa chữa nâng cấp Hồ chứa nước Hà Ra Nam, Hà Ra Bắc đảm bảo tưới 574ha cây trồng	2012-2014	749/QĐ-UBND ngày 30/7/2012	17,224	17,224			11,958	11,958	11,958		Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi	Thu hồi vốn ứng trước theo đề nghị của Sở Tài chính thực hiện kiến nghị Kiểm toán

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế (1)	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch			Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Đơn vị thực hiện	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT (1)		Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	NSTW	Trong đó:			
						Tổng số	Trong đó: NSTW					Trong đó			
												Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		
3	Sửa chữa nâng cấp hồ chứa nước Ia Hrug, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai	Ia Grai	Sửa chữa nâng cấp Hồ chứa nước Ia Hrug đảm bảo tưới 530ha cà phê và lúa 2 vụ	2012-2014	747/QĐ-UBND ngày 30/7/2012	16,682	16,682			11,753	11,753	11,753		Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi	Thu hồi vốn ứng trước theo đề nghị của Sở Tài chính thực hiện kiến nghị Kiểm toán
(2)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong 2021-2025									86,234	86,234	-	-		
1	Thủy lợi hồ chứa nước Ia Rô	Ayun Pa	Tưới cho 120ha lúa 2 vụ, 400ha mía và 80ha hoa màu cấp nước sinh hoạt cho khoảng 40.000 người	2017-2020	960/QĐ-UBND ngày 27/10/2017	200,000	200,000	93,766	93,766	86,234	86,234			BQL các DA ĐTXD	
(3)	Dự án khởi công mới									570,000	537,000	-	-		
1	Hồ chứa nước Ia Prat, xã Ia Khươl, huyện Chư Păh	Chư Păh	Hồ chứa dung tích 1,74 triệu m ³ cấp nước tưới chủ động cho 220ha	2021-2024	312/NQ-HĐND ngày 25/02/2021	100,000	100,000			100,000	100,000			Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi	
2	Các dự án Bảo vệ và phát triển rừng	Gia Lai	Trồng rừng sản xuất theo QĐ 38/2016/QĐ-TTg 11.000ha; trồng rừng phòng hộ 850ha; chăm sóc rừng trồng sản xuất năm 2018, 2019, 2020: 5.736ha; chăm sóc rừng trồng giai đoạn 2021-2024	2021-2024	314/NQ-HĐND ngày 25/02/2021	424,000	127,000			160,000	127,000			Sở NNPTNT	NSTW 127 tỷ đồng, NSDP 33 tỷ đồng, Vốn cộng đồng tham gia đối ứng (tiền bán cây đùm) 264 tỷ đồng
3	Nâng cao năng lực PCCC rừng cho lực lượng kiểm lâm và năng lực quản lý bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Gia Lai	Đầu tư trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống cháy rừng và công tác quản lý bảo vệ rừng	2022-2025		60,000	60,000			60,000	60,000			Sở NN&PTNT lập báo cáo ĐXC&ĐT	Nâng cao NL PCCC cho lực lượng kiểm lâm 15 tỷ đồng, nâng cao NL QL BVR 45 tỷ

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế (1)	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch		Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Đơn vị thực hiện	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT (1)		Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	NSTW	Trong đó:			
						Tổng số	Trong đó: NSTW					Thu hồi các khoản ứng trước NSTW			Thanh toán nợ XDCB
4	Dự án đầu tư phát triển rừng bền vững Vườn quốc gia Kon Ka Kinh	Mang Yang, Đăk Đoa, Kbang	Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và phát triển du lịch ...	2022-2025		60,000	50,000			50,000	50,000			Sở NN&PTNT lập báo cáo ĐXC&ĐT	NSTW 50 tỷ đồng, 10 tỷ đồng từ nguồn DV MTR
5	Hoàn thiện hệ thống kênh mương thủy lợi các hồ chứa nước	Gia Lai	Hoàn thiện hệ thống kênh mương, đường đi trên đập các hồ Tàu Dầu 2, Ia Rôt, Plei Thơ Ga, Plei Keo	2022-2025		200,000	200,000			200,000	200,000			Sở NNPTNT lập báo cáo ĐXC&ĐT	
(4)	Dự án khởi công mới hoàn thành sau năm 2025									60,000	60,000	-	-		
1	Hồ chứa nước Đông Xuân, huyện Chư Pưh	Chư Pưh	Công trình thủy lợi cấp IV, diện tích tưới 470ha	2024-2026		135,000	135,000			30,000	30,000			Sở NNPTNT lập báo cáo ĐXC&ĐT	Hồ chứa cấp nước cho 470 ha lúa, cà phê và cây rau màu, đáp ứng được yêu cầu phân lũ, chậm lũ về mùa lũ. Góp phần làm giảm tác động biến đổi khí hậu đồng thời phát triển dân sinh kinh tế của nhân dân

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế (1)	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch		Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Đơn vị thực hiện	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT (1)		Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	NSTW	Trong đó:			
						Tổng số	Trong đó: NSTW					Thu hồi các khoản ứng trước NSTW			Thanh toán nợ XDCB
2	Hồ Cà Tung, xã Yang Bắc, huyện Đak Pơ	Đăk Pơ	Tổng diện tích tưới 280ha, trong đó 180ha lúa và 100ha hoa màu	2024-2026		150,000	150,000			30,000	30,000			Sơ NNPTNT lập báo cáo ĐXCTĐT	
III.2	Giao thông									4,811,454	4,512,444	-	-		
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong 2021-2025									667,523	668,513	-	-		
1	Đường liên huyện từ xã Thành An (An Khê) đến xã Kon Bla và Đăk Hlơ (KBang)	An Khê, Kbang	L=14,26km; BTXM toàn tuyến, hệ thống thoát nước	2016-2020	986/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	80,000	80,000	72,000	71,650	8,000	8,000			BQL các DA ĐTXD	
2	Đường liên xã huyện Krông Pa	Krông Pa	L=19,12km đường miền núi cấp IV (N1: đường vào xã Ia Rsai L=7,66km; N2: đường vào xã Đất Bàng L=11,46km)	2016-2020	1075/QĐ-UBND ngày 01/12/2017; 228/QĐ-UBND ngày 10/3/2016	124,302	93,291	96,722	68,822	6,370	6,370			UBND huyện Krông Pa	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế (1)	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch	Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Đơn vị thực hiện	Ghi chú		
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT (1)		Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	NSTW			Trong đó:	
						Tổng số	Trong đó: NSTW							Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB
3	Đường Tỉnh 666 (Km0+00 - Km6-+550), huyện Mang Yang, huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai	Mang Yang, Ia Pa	Đường cấp IV miền núi L=27,09km, Bn=7,5m; Bm=5,5m; công trình thoát nước	2016-2021	990/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; 543/QĐ-UBND ngày 10/6/2020	231,000	231,000	203,781	203,781	4,119	4,119			BQL các DA ĐTXD	
4	Đường nội thị thị xã Ayun Pa	Ayun Pa	Đầu tư xây dựng 6 tuyến đường với tổng chiều dài L=7.245,78m	2016-2020	1075/QĐ-UBND ngày 01/12/2017; 988/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	110,000	87,778	78,700	58,200	16,000	16,000			UBND thị xã Ayun Pa	
5	Đường nội thị thị xã An Khê	An Khê	6,42km, đầu tư hoàn chỉnh nền mặt đường bê tông nhựa, cống thoát nước, vỉa hè.	2016-2020	987/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	80,000	80,000	60,350	60,000	12,000	12,000			UBND thị xã An Khê	
6	Đường nối QL 25 đến tỉnh lộ 666 (Đoạn từ Trụ sở UBND xã Chư A Thai đến tỉnh lộ 666)	Phú Thiện	L=17,5km đường cấp IV miền núi; hệ thống thoát nước (cầu, cống)	2016-2020	991/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	80,000	80,000	68,285	67,935	5,520	5,520			UBND huyện Phú Thiện	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế (1)	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch			Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Đơn vị thực hiện	Ghi chú		
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT (1)		Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	NSTW			Trong đó:	
						Tổng số	Trong đó: NSTW									Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XD/CB
7	Đường nội thị TP Pleiku	Pleiku	L=8,3613km; via hè; hệ thống thoát nước	2016-2020	1075/QĐ-UBND ngày 01/12/2017; 983/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; 1010/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	162,787	151,444	105,990	105,000	30,310	31,300			UBND thành phố Pleiku			
8	Đường liên xã Ia Băng - Ia Vê huyện Chư Prông	Chư Prông	Đường giao thông cấp A dài 22,799km; công trình thoát nước và các hạng mục phụ	2017-2021	1013/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	80,000	80,000	35,252	35,252	38,000	38,000			UBND huyện Chư Prông			
9	Đường liên xã Ia Krel-Ia Kla huyện Đức Cơ	Đức Cơ	Đường cấp IV, L=10km, hệ thống thoát nước và các hạng mục phụ	2017-2021	850/QĐ-UBND ngày 15/9/2017	80,000	80,000	34,796	34,796	45,204	45,204			UBND huyện Đức Cơ			
10	Đường liên xã huyện Chư Pưh	Chư Pưh	5 tuyến với tổng chiều dài L=24,17km, hệ thống thoát nước và các hạng mục phụ	2018-2022	976/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	80,000	80,000	35,257	35,257	38,000	38,000			UBND huyện Chư Pưh			
11	Đường nối từ quốc lộ 19 đến tỉnh lộ 669 (đi qua các xã Song An, Cửu An, Xuân An, Tú An - thị xã An Khê)	An Khê	L=20,84km; Bn=7,5m; Bm=5,5m	2019-2020	1030/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	108,783	96,000	50,000	50,000	46,000	46,000			UBND thị xã An Khê			
12	Tuyến giao thông biên giới cấp bách huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai	Đức Cơ	L=21,5Km đường cấp V miền núi	2020-2022	688/QĐ-UBND ngày 29/7/2020	140,000	140,000	14,000	14,000	126,000	126,000			BQL các DA ĐTXD			

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế (1)	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch	Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Đơn vị thực hiện	Ghi chú		
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT (1)		Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	NSTW			Trong đó:	
						Tổng số	Trong đó: NSTW							Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB
13	Đường liên huyện Chư Sê - Chư Pưh - Chư Prông, tỉnh Gia Lai	Chư Sê, Chư Pưh, Chư Prông	L=33Km đường cấp IV miền núi	2020-2022	689/QĐ-UBND ngày 29/7/2020	320,000	320,000	28,000	28,000	292,000	292,000			BQL các DA ĐTXD	
(2)	Dự án khởi công mới									3,657,400	3,357,400	-	-		
1	Cầu qua sông Ayun vào xã Ia Yeng (từ quốc lộ 25 đi xã Ia Yeng)	Phú Thiện	Tổng chiều dài tuyến khoảng 3,2Km trong đó cầu qua sông Ayun dài 200m, bề rộng cầu 8m	2019-2021	1032/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	90,000	81,000			81,000	81,000			BQL các DA ĐTXD	
2	Đường Hoàng Sa nối dài (đoạn nối từ đường Trường Chinh đến đường Nguyễn Chí Thanh), thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Pleiku	Chiều dài tuyến L=6,618Km	2019-2021	1031/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	146,000	131,400			131,400	131,400			UBND thành phố Pleiku	
3	Đường Nguyễn Chí Thanh (đoạn từ Trường Chinh đến đường Lê Duẩn), thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Pleiku	Tổng chiều dài tuyến khoảng 6,17km; đoạn Km0 - Km240 thảm bê tông nhựa mặt đường 7m, hệ thống thoát nước; đoạn Km0=240 - Km6+170: chi giới XD 30m, mặt đường bê tông nhựa 21m, dải phân cách 3m, vỉa hè 2x3=6m, hệ thống thoát nước, các hạng mục phụ	2021-2023	330/NQ-HĐND ngày 25/02/2021	185,000	185,000			185,000	185,000			BQL các DA ĐTXD	
4	Nâng cấp, cải tạo đường Tỉnh 663 , tỉnh Gia Lai	Chư Prông	Đoạn Km0+00 - Km13+700: Bn=9m; Bm=6m; mặt đường bê tông nhựa; Đoạn Km33+200- Km47+050: Bn=7,5m; Bm=5,5m; mặt đường bê tông xi măng	2021-2023	315/NQ-HĐND ngày 25/02/2021	150,000	150,000			150,000	150,000			BQL các DA ĐTXD	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế (1)	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch		Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Đơn vị thực hiện	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT (1)		Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó:				
						Tổng số	Trong đó: NSTW				Tổng số	NSTW			Thu hồi các khoản ứng trước NSTW
5	Nâng cấp, cải tạo đường Tỉnh 664 (đoạn Km0 - Km15+350m), tỉnh Gia Lai	Pleiku, Ia Grai	a.Thâm bê tông nhựa tăng cường và bổ sung các hạng mục phụ đoạn tuyến Km0-Km2+200m. b. Nâng cấp, cải tạo đoạn Km2+200-Km15+350m đạt cấp III theo TCVN 4054-2005: Bn=12m; Bm=11m; mặt đường bê tông nhựa; cầu, cống thoát nước bê tông cốt thép vĩnh cửu	2021-2023	316/NQ-HĐND ngày 25/02/2021	150,000	150,000			150,000	150,000			BQL các DA ĐTXD	
6	Đường liên huyện Mang Yang - Ia Pa (đoạn Km 0-Km33 và Km55+250 - Km60+550) (Đường Tỉnh 666)	Mang Yang, Ia Pa	Công trình giao thông cấp III, L=38,3Km; Bn=7,5m; Bm=5,5m	2022-2024		200,000	200,000			200,000	200,000			Sở GTVT lập BCĐXCTĐT	Hiện trạng tuyến đường đã hư hỏng xuống cấp, nhiều đoạn vẫn là đường đất
7	Đường từ xã Yang Nam đi xã Chợ Long, huyện Kông Chro	Kông Chro	L=14km; Bm=5,5m, nền, mặt đường BTXM và công trình thoát nước	2023-2025		100,000	100,000			100,000	100,000			UBND huyện Kông Chro lập BCĐXCTĐT	Tuyến đường mới hoàn toàn, nối liền xã Yang Nam và Chợ Long và đường Trường Sơn Đông

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế (1)	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch			Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Đơn vị thực hiện	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT (1)		Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	NSTW	Trong đó:			
						Tổng số	Trong đó: NSTW					Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		
8	Đường nối từ Quốc lộ 19 (đường Quang Trung) đi đường Vành Đai phía Bắc thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai	An Khê	Đường nội thị: L=3Km; cầu qua sông Ba: thiết kế vĩnh cửu bằng BTCT, tải trọng HL93, tần suất 1%.	2023-2025		150,000	150,000			150,000	150,000			UBND thị xã An Khê lập BCĐXCTĐT	Đầu tư dự án nhằm hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật đô thị, đáp ứng nhu cầu đi lại, đảm bảo an toàn giao thông, góp phần chỉnh trang đô thị và phát triển kinh tế của địa phương. Đồng thời mở rộng, phát triển dân cư về phía Bắc của thị xã
9	Đường nội thị, thị trấn Phú Thiện, huyện Phú Thiện	Phú Thiện	Tổng chiều dài 8.069m; gồm 09 tuyến đường (cụ thể: Đường Trần Hưng Đạo (Đ26); Đường Trần Phú (Đ5); đường Trường Chinh; đường Đ22; đường Chu Văn An - nối dài (Đ27); đường Wừu (Đ13); Ngõ Gia Tự (Đ9); đường Hàm Nghi (Đ54); đường Đ80 mặt đường láng nhựa, bê tông nhựa và hạ tầng kỹ thuật	2023-2025		90,000	90,000			90,000	90,000			UBND huyện Phú Thiện lập BCĐXCTĐT	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế (1)	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch		Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Đơn vị thực hiện	Ghi chú			
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT (1)		Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số			NSTW	Trong đó:	
						Tổng số	Trong đó: NSTW									Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB
10	Đường liên xã huyện Đức Cơ	Đức Cơ	Nhánh 1: từ quốc lộ 19 đi công ty 74 L=4,6km; Bn=7,5m; Bm=5,5m; mặt đường bê tông nhựa. Nhánh 2: Đường từ thị trấn Chư Ty đi xã Ia Kriêng L=5,5Km; Bn=7,5m; Bm=5,5m; mặt đường bê tông nhựa. Nhánh 3: Đường từ ngã 3 kiểm lâm (QL19) đến quốc lộ 14 xã Ia Nan L=3,5Km; Bn=7,5m; Bm=5,5m; mặt đường bê tông nhựa. Nhánh 4: đường từ quốc lộ 19 đi ngã 3 làng Gào xã Ia Lang: L=9,3Km; Bn=7,5m; Bm=5,5m; mặt đường cấp phối đá dăm láng nhựa	2023-2025		100,000	100,000			100,000	100,000			UBND huyện Đức Cơ lập BCĐXCTĐT	Hiện trạng các tuyến đường rộng 3,5m, đã bị bong tróc hư hỏng không đáp ứng nhu cầu giao thông, cần phải nâng cấp mở rộng		
11	Đường liên xã huyện Chư Prông	Chư Prông	Nhánh 01: Đường liên xã Ia Me, Ia Bông, Ia Drang - Bình Giáo (đoạn 665 đi quốc lộ 19): L= 22,9km; Bn=7,5m; Bm=5,5m, láng nhựa 03 lớp TCN 4,5Kg/m ² ; 01 cầu BTCT L=70m, B=5m, an toàn giao thông hoàn chỉnh Nhánh 02: Đường liên xã Ia Drang - Ia O - Ia Puch: L=17,8Km, Bn=7,5m; Bm=5,5m; láng nhựa 03 lớp TCN 4,5Kg/m ² và BTXM; an toàn giao thông hoàn chỉnh Nhánh 03: Đường liên xã Ia Tôr - Ia Vê (đoạn 665 đi cụm 3): L=18Km; cạp lề mở rộng Bn=7,5m; Bm=5,5m; láng nhựa 03 lớp TCN 4,5Kg/m ² và BTXM; 01 cầu BT DUL L=24m an toàn giao thông hoàn chỉnh	2023-2025		110,000	110,000			110,000	110,000			UBND huyện Chư Prông lập BCĐXCTĐT	Hiện trạng các tuyến đường rộng 3,5m đã hư hỏng xuống cấp, cần nâng cấp, mở rộng		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế (1)	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch			Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Đơn vị thực hiện	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT (1)		Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW	Trong đó:				
						Tổng số	Trong đó: NSTW					NSTW	Trong đó			
													Thu hồi các khoản ứng trước NSTW			Thanh toán nợ XDCB
12	Đường liên xã huyện Chư Sê	Chư Sê	Đầu tư 3 nhánh với tổng chiều dài 37,1Km: Nhánh 1 từ đường Hồ Chí Minh đến trung tâm xã Bar Mảnh L=26,5km ; Nhánh 2 từ trung tâm xã Kông Htok đến trung tâm xã Ayun L=6,0km; Nhánh 3 từ xã Hbông vào hồ Ayun hạ L=3,8Km	2023-2025		100,000	100,000			100,000	100,000			UBND huyện Chư Sê lập BCDXCTĐT	Nhánh 1, nhánh 2 là đường láng nhựa rộng 3,5m đã xuống cấp; nhánh 3 hiện là đường đất	
13	Đường liên xã huyện Mang Yang	Mang Yang	Đường qua suối Kôi 1,6Km, Bn=5m, Bm=3,5m; đường từ xã Đak Trôi đi xã Ayun 5,9Km, Bn=5m, Bm=3,5m; đường vào trung tâm xã Kon Chiêng 10,6Km, Bn=6,5m, Bm=5,5m; đường vào VQG Kon Ka Kinh 15,2Km,Bn=6,5m, Bm=5,5m	2023-2025		90,000	90,000			90,000	90,000			UBND huyện Mang Yang lập BCDXCTĐT	Đường vào trung tâm xã Kon Chiêng đã bị xuống cấp hư hỏng nghiêm trọng; đường qua suối Kôi, đường từ xã Đak Trôi đi xã Ayun là tuyến đường đất bị xói lở nghiêm trọng	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế (1)	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch			Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Đơn vị thực hiện	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT (1)		Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	NSTW	Trong đó:			
						Tổng số	Trong đó: NSTW					Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		
14	Đường liên xã huyện Đak Đoa	Đak Đoa	Đường Kon Gang đi Hải Yang L=8,3Km, Đường giao thông liên xã phía Nam L=7,8Km, đường giao thông liên xã phía Bắc huyện Đak Đoa L=16,2Km.	2023-2025		100,000	100,000			100,000	100,000			UBND huyện Đak Đoa lập BCĐXCTĐT	Hiện trạng là đường láng nhựa rộng 3,5m đã xuống cấp, riêng đoạn nối 2 xã Kon Gang và Hải Yang là tuyến đường đất
15	Đường liên xã huyện Ia Pa	Ia pa	Đường liên xã Ia Mron đi Ia Yeng L=3,76Km; Đường liên xã Ia Trôk đi Ia Mron 3,38Km; Đường liên xã Ia Broai đi xã Chư Mố L=3,43Km;	2023-2025		90,000	90,000			90,000	90,000			UBND huyện Ia Pa lập BCĐXCTĐT	
16	Đường liên xã huyện Chư Păh	Chư Păh	Công trình cấp IV miền núi gồm 5 nhánh với tổng chiều dài L=30,1km: Nhánh 1: Đường khu du lịch Biển Hồ - Chư Đăng Ya: 6,1km Nhánh 2: Đường từ xã Đăk Tơ Ver đi xã Hà Tây: 9,9km Nhánh 3: Đường từ xã Ia Khươl đi xa Ia Phí: 5,8km. Nhánh 4: Đường Phan Đình Phùng: 3,8km. Nhánh 5: Đường từ xã Ia Ka đi xa Ia Phí: 4,4km. Nhánh 1,2,3,5: Bn=7,5m; Bm=5,5m mặt đường đá dăm láng nhựa và BTXM. Nhánh 4: Bn=11,7m; Bm=10,5m mặt đường bê tông nhựa	2023-2025		100,000	100,000			100,000	100,000			UBND huyện Chư Păh lập BCĐXCTĐT	Các tuyến đường đã bị xuống cấp, hư hỏng nặng.

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế (1)	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch		Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Đơn vị thực hiện	Ghi chú		
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT (1)		Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW	Trong đó:				
						Tổng số	Trong đó: NSTW					NSTW			Trong đó	
															Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB
17	Đường liên xã huyện Chư Pưh	Chư Pưh	Gồm 4 tuyến đường, chiều dài khoảng 16,5 km: Nhánh 1: Đường từ xã Ia Rong huyện Chư Pưh đi xã Hbông huyện Chư Sê (Quốc Lộ 25) dài 3 km, Mặt đường thảm BTN rộng 5,5m; Nhánh 2: Đường từ QL14 (Km1661+950.00m) xã Ia Le đi xã Ia Blứ huyện Chư Pưh dài 3,5 km, Mặt đường thảm BTN rộng 5,5m; Nhánh 3: Đường từ ngã ba Ia Le - Ia Blứ đi xã Ia Blứ huyện Chư Pưh dài 5 km, Mặt đường thảm BTN rộng 5,5m; Nhánh 4: Đường từ thị trấn Nhơn Hòa đi xã Ia Phang, huyện Chư Pưh, dài 5 Km, Mặt đường thảm BTN rộng 7,5m .	2023-2025		90,000	90,000			90,000	90,000			UBND huyện Chư Pưh lập báo cáo ĐXCĐT		
18	Đường giao thông kết nối các xã Ia Mlah, Phú Cần và thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai	Krông Pa	Thiết kế mặt đường bê tông xi măng với tổng chiều dài tuyến dự kiến khoảng L=8.500m; Bm=5,5m, hoàn thiện hệ thống thoát nước và công trình phòng hộ; Thiết kế cầu bê tông cốt thép ĐUL qua sông Ia Mlah với quy mô khổ cầu 8M, chiều dài cầu dự kiến 4 nhịp 33m	2023-2025		90,000	90,000			90,000	90,000			UBND huyện Krông Pa lập báo cáo ĐXCĐT		
19	Đường giao thông huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai	Đak Pơ	Tổng chiều dài dự kiến khoảng: 12,4 Km; Trong đó: Đường liên xã An Thành đi Yang Bắc L= 8,5Km; Đường vành đai phía Bắc thị trấn Đak Pơ L= 3,9Km.	2023-2025		90,000	90,000			90,000	90,000			UBND huyện Đak Pơ lập báo cáo ĐXCĐT		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế (1)	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch			Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Đơn vị thực hiện	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT (1)		Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	NSTW	Trong đó:			
						Tổng số	Trong đó: NSTW					Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		
20	Đường hành lang kinh tế phía Đông (đường tránh Quốc lộ 19)	Pleiku,Đak Đoa, Chư Păh	Đường cấp II trung du; L=16Km	2022-2025		1,200,000	900,000			1,200,000	900,000			Sở GTVT lập BCĐXCTĐT	Dự án trọng điểm, dự án có tính liên kết vùng, đường ven biển NSTW 900 tỷ đồng, NSDP 300 tỷ đồng
21	Đường Nguyễn Văn Linh thành phố Pleiku (đoạn Trường Chinh - Lê Thánh Tôn)	Pleiku	L=2,7Km, mặt đường rộng 27m (kể cả dải phân cách 3m, dải rãnh 2x0,25m), vỉa hè mỗi bên rộng 3m	2022-2024		260,000	260,000			260,000	260,000			UBND thành phố Pleiku lập BCĐXCTĐT	
(3)	Dự án khởi công mới hoàn thành sau năm 2025					905,000	905,000			486,531	486,531				
1	Đường từ thành phố Pleiku đi trung tâm huyện Đak Đoa	Pleiku, Đak Đoa	L=6,9Km đường cấp III miền núi, Bn=14m, Bm=12m, 02 cầu BTCT DUL	2024-2026		200,000	200,000			100,000	100,000			Sở GTVT lập BCĐXCTĐT	
2	Đường vành đai 1 (Quốc lộ 25 cầu Ia Hiao)	Ayun Pa	Đường bê tông xi măng đá 1x2 M300 dày 22cm dài 6,95km; nền đường rộng 22-25m; mặt đường rộng 21m; các hạng mục phụ	2024-2026		200,000	200,000			130,000	130,000			UBND thị xã Ayun Pa lập BCĐXCTĐT	Hiện trạng tuyến đường là đường mới hoàn toàn, hai bên tuyến là đất ruộng, vườn, nhà cửa của người dân

[illegible]

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế (1)	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch			Lũy kế số vốn bỏ trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Đơn vị thực hiện	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT (1)		Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	NSTW	Trong đó:			
						Tổng số	Trong đó: NSTW					Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		
(2)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong 2021-2025									16,111	16,111	-	-		
1	Hạ tầng Khu kinh tế cửa khẩu Lệ Thanh	Đức Cơ	Đường giao thông và các hạng mục khác	2016-2020	997/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	95,000	95,000	69,389	69,389	16,111	16,111			BQL khu kinh tế tỉnh	
(3)	Dự án khởi công mới									100,000	100,000	-	-		
1	Hạ tầng Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh	Đức Cơ	Đường đô thị cấp III, mặt đường bê tông nhựa, tổng chiều dài 7,181km	2022-2025		100,000	100,000			100,000	100,000			BQL khu kinh tế tỉnh lập BCĐXCTĐT	
III.4	Cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; hỗ trợ hợp tác xã									45,000	45,000	-	-		
(1)	Dự án hoàn thành trước 2021														
(2)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong 2021-2025														
(3)	Dự án khởi công mới									45,000	45,000	-	-		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế (1)	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch		Lũy kế số vốn bổ từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Đơn vị thực hiện	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT (1)		Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	NSTW	Trong đó:			
						Tổng số	Trong đó: NSTW					Thu hồi các khoản ứng trước NSTW			Thanh toán nợ XDCB
	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa								45,000	45,000	-	-			
1	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu vườn ươm, trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo làm trọng điểm tại tỉnh Gia Lai	Pleiku	Đầu tư đồng bộ cơ sở hạ tầng, cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung; trang thiết bị, máy móc, phòng nghiên cứu, phòng thí nghiệm, cơ sở hạ tầng thông tin khoa học và công nghệ cho các cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, văn bản hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 nhằm hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, đồng thời triển khai ý tưởng, dự án khởi nghiệp có tính khả thi trên địa bàn tỉnh.	2022-2023		45,000	45,000			45,000	45,000		Sở Khoa học và Công nghệ lập BC ĐXCĐT		

Ghi chú: (1)Tổng mức đầu tư và năng lực thiết kế đối với các dự án là dự kiến, trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư dự án điều chỉnh cho phù hợp yêu cầu thực tế

DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 VỐN ODA

Đơn vị: Triệu đồng

1

Phụ lục 1
KẾ HOẠCH VỐN TRONG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ
HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 346 /NQ-HĐND ngày 09/5/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 -2025	Ghi chú
	TỔNG SỐ	2,140,000	
1	Thành phố Pleiku	271,840	
2	Thị xã An Khê	115,370	
3	Thị xã Ayun Pa	115,385	
4	Huyện Kbang	116,130	
5	Huyện Đak Đoa	125,585	
6	Huyện Chư Păh	115,695	
7	Huyện Ia Grai	123,815	
8	Huyện Mang Yang	110,440	
9	Huyện Kông Chro	127,250	
10	Huyện Đức Cơ	106,770	
11	Huyện Chư Prông	141,845	
12	Huyện Chư Sê	152,915	
13	Huyện Đak Pơ	81,185	
14	Huyện Ia Pa	107,980	
15	Huyện Krông Pa	132,055	
16	Huyện Phú Thiện	98,475	
17	Huyện Chư Puh	97,265	

Phụ lục 2

DỰ KIẾN TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 346 /NQ-HĐND ngày 09/5/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
		Tổng cộng	Chi bồi thường, hỗ trợ tái định cư và các chi phí khác	Tiền sử dụng đất sau khi trừ chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư	Chi đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (1)	Trích nộp quỹ phát triển đất của tỉnh (3)	Tiền sử dụng đất còn lại cho đầu tư		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)-(4)	(6)=(5)x10%	(7)	(8)=(5)-(6)-(7)	(9)=(8)+(6)	(10)
	TỔNG SỐ	9,088,126	986,877	8,101,249	810,125	1,901,249	5,389,875	6,200,000	
I	CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ	4,077,250	986,877	3,090,373	309,037	696,813	2,084,523	2,393,560	
1	Pleiku	2,553,000	704,528	1,848,472	184,847	404,563	1,259,061	1,443,909	
2	Đak Đoa	166,350	25,000	141,350	14,135	36,005	91,211	105,346	
3	An Khê	150,000	15,000	135,000	13,500	29,160	92,340	105,840	
4	Ayun Pa	37,500	-	37,500	3,750	8,100	25,650	29,400	
5	Chư Sê	250,000	12,000	238,000	23,800	50,760	163,440	187,240	
6	Chư Păh	80,000	14,400	65,600	6,560	14,472	44,568	51,128	
7	Ia Grai	274,000	59,000	215,000	21,500	55,650	137,850	159,350	
8	Mang Yang	40,000	5,999	34,001	3,400	7,425	23,176	26,576	
9	Chư Prông	120,000	67,000	53,000	5,300	14,310	33,390	38,690	
10	Chư Pưh	120,000	30,000	90,000	9,000	22,950	58,050	67,050	
11	Kbang	35,000	8,500	26,500	2,650	5,994	17,856	20,506	
12	Kông Chro	11,400	8,500	2,900	290	347	2,263	2,553	
13	Đức Cơ	120,000	15,000	105,000	10,500	25,920	68,580	79,080	
14	Đak Pơ	40,000	4,000	36,000	3,600	7,830	24,570	28,170	
15	Ia Pa	10,000	2,000	8,000	800	1,755	5,445	6,245	
16	Krông Pa	50,000	15,000	35,000	3,500	7,522	23,978	27,478	
17	Phú Thiện	20,000	950	19,050	1,905	4,050	13,095	15,000	
II	TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT TỈNH ĐẦU TƯ	5,010,876	-	5,010,876	501,088	1,204,437	3,305,352	3,806,439	
Trong đó:									
	Vốn dự phòng (10%)				50,109		330,535	380,644	
	Thực hiện dự án (90%)				450,979		2,974,817	3,425,796	
1	Tiền sử dụng đất của tỉnh điều tiết về các huyện, thị xã, thành phố đầu tư (2)						297,482	297,482	

STT	Đơn vị	Giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
		Tổng cộng	Chi bồi thường, hỗ trợ tái định cư và các chi phí khác	Tiền sử dụng đất sau khi trừ chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư	Chi đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (1)	Trích nộp quỹ phát triển đất của tỉnh (3)	Tiền sử dụng đất còn lại cho đầu tư		
2	Tiền sử dụng đất của tỉnh đầu tư				450,979		2,677,335	3,128,314	

Ghi chú: (1) Tiền đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của tỉnh, huyện, thị xã, thành phố nộp về tỉnh để đầu tư cho Dự án tổng thể xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu địa chính tỉnh Gia Lai
(2) Kinh phí điều tiết về các huyện, thị xã, thành phố căn cứ vào tình hình thực tế khi có phát sinh số thu tiền sử dụng đất của tỉnh.
(3) Năm 2021 không trích nộp quỹ phát triển đất và để lại cho đầu tư

Phụ lục 3
VỐN HỤT THU NĂM 2019, 2020

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 346 /NQ-HĐND ngày 09/5/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025				Đơn vị thực hiện	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	NSDP	Trong đó:			
						Tổng số	Trong đó: NSDP			Thu hồi các khoản ứng trước NSDP			Thanh toán nợ XDCB
	TỔNG CỘNG							333,068	333,068	325,491	-		
A	Tiền sử dụng đất							311,180	311,180	303,603	-		
I	Năm 2019							64,587	64,587	57,010	-		
1	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	Các huyện, thị xã, thành phố						57,010	57,010	57,010		UBND các huyện, thị xã, thành phố	
2	Chi công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Các huyện, thị xã, thành phố	Xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính cơ sở dữ liệu địa chính trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố tỉnh Gia Lai	2018-2022	455/QĐ-UBND ngày 01/10/2018	1,316,321		7,577	7,577			Sở TNMT	
II	Năm 2020							246,593	246,593	246,593	-		
1	Dự án tổng thể xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính cơ sở dữ liệu địa chính tỉnh Gia Lai	Các huyện, thị xã, thành phố	Xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính cơ sở dữ liệu địa chính trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố tỉnh Gia Lai	2018-2022	455/QĐ-UBND ngày 01/10/2018	1,316,321		44,700	44,700	44,700		Sở TNMT	
2	Kè chống sạt lở bờ Tây sông Ayun đoạn qua thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai	Ayun Pa	Chiều dài tuyến L=8.380m	2012-2020	724/QĐ-UBND ngày 09/8/2013; 939/QĐ-UBND ngày 27/10/2015; 848/QĐ-UBND ngày 13/9/2017; 1043/QĐ-UBND ngày 17/10/2018	412,009		21,811	21,811	21,811		UBND thị xã Ayun Pa	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025					Đơn vị thực hiện	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	NSDP	Trong đó:			
						Tổng số	Trong đó: NSDP			NSDP			Thu hồi các khoản ứng trước NSDP
3	Hạ tầng du lịch tỉnh Gia Lai	PleiKu, An Khê.	Hạ tầng khu du lịch Biển Hồ: Xây dựng đường trục chính đến khu du lịch và đường trục chính trong khu du lịch Lâm viên Biển Hồ gồm 3 tuyến với tổng chiều dài 5.296,81m. Hệ thống đường giao thông vào khu di tích lịch sử văn hóa Tây Sơn Thượng Đạo tỉnh Gia Lai gồm 4 tuyến đường với tổng chiều dài 2.479,81m.	2018-2022	1012/QĐ-UBND ngày 31/10/2016; NQ 169/NQ-HĐND ngày 10/7/2019; 930QĐ-UBND ngày 24/9/2019	106,933		20,000	20,000	20,000		BQL các dự án ĐTXD	
4	Đường Tôn Đức Thắng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Pleiku	Đoạn Km0-Km0+931m và Km1+591-Km2+850m; L=2.190m; Bn=30m; Bm=21m (kể cả dải phân cách rộng 3m); vỉa hè rộng 4,5x2=9m (trong đó lát gạch 1,5mx2=3m); hoàn chỉnh hệ thống thoát nước, hệ thống an toàn giao thông và hệ thống điện chiếu sáng. Đoạn Km0+931-Km1+591m, L=660m: Bổ sung dải phân cách giữa rộng 3m và các hạng mục phụ	2019-2021	NQ 167/NQ-HĐND ngày 10/7/2019; 1034/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	88,000		30,000	30,000	30,000		BQL các dự án ĐTXD	
5	Bệnh viện đa khoa tỉnh Gia Lai; hạng mục Khoa Cấp cứu và Khoa Dược	Pleiku	Khoa cấp cứu và Khoa dược: Nhà cấp III, 02 tầng; DTXD 1.041m² ; DTS 1.806m². - Hạ tầng kỹ thuật: Hệ thống cấp điện, thông gió, cấp thoát nước, thông tin liên lạc đầy đủ. - Cầu nổi: 02 tầng;DTXD 64,3m²; DTS 99m². - Trang thiết bị: Trang thiết bị điều hòa không khí và thiết bị y tế.	2019-2020	379/QĐ-UBND ngày 28/6/2019; 1023/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	24,400		12,765	12,765	12,765		BQL các dự án ĐTXD	
6	Đường vào ba buôn xã Chư Đrăng, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai	Krông Pa	Đường cấp V miền núi theo TCVN 4054-2005 L=10,81km mặt đường BTXM; Bn=6,5m, Bm = 3,5m (đoạn qua khu dân cư mặt đường rộng 5,5m, nền đường rộng 7,5m); hệ thống thoát nước dọc, thoát nước ngang và công trình phòng hộ trên tuyến	2019-2020	383/QĐ-UBND ngày 28/6/2019; 1009/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	39,100		12,000	12,000	12,000		UBND huyện Krông Pa	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025				Đơn vị thực hiện	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	NSDP	Trong đó:			
						Tổng số	Trong đó: NSDP			Thu hồi các khoản ứng trước NSDP			Thanh toán nợ XDCB
7	Khu hội chợ triển lãm tỉnh Gia Lai	Pleiku	San nền khu hội chợ triển lãm 2,212ha; Mặt bằng tổ chức chợ hoa 3,0ha Mặt sân bằng đá dăm; mặt bằng tổ chức chợ hoa; đường giao thông; hệ thống thoát nước; hệ thống cấp nước; hệ thống cấp điện; kè đá; hàng rào; nhà vệ sinh	2019-2020	387/QĐ-UBND ngày 28/6/2019; 164/QĐ-SKHĐT ngày 31/10/2019	8,500		5,608	5,608	5,608		BQL các dự án ĐTXD	
8	Kênh tưới cánh đồng buôn Blang, xã Chư Ngoc, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai	Krông Pa	Kênh N11 nối dài chiều dài 2.180m; Kênh N11.ND-1 chiều dài 830m; Kênh N11.ND-1-1 chiều dài 1.420m	2019-2020	508/QĐ-UBND ngày 26/8/2019; 631/QĐ-UBND ngày 09/10/2019	8,800		3,000	3,000	3,000		UBND huyện Krông Pa	
9	Đầu tư trang thiết bị cho bệnh viện tuyến tỉnh	Pleiku	HP1: Trang thiết bị cho Bệnh viện nhi. HP2: Trang thiết bị bệnh viện tuyến tỉnh.	2018-2020	988/QĐ-UBND ngày 31/10/2016; 934/QĐ-UBND ngày 19/10/2017	150,000		39,700	39,700	39,700		BQL các dự án ĐTXD	
10	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	Các huyện, thị xã, thành phố						57,010	57,010	57,010		UBND các huyện, thị xã, thành phố	
B	Vốn xố số kiến thiết							21,888	21,888	21,888	-		
I	Năm 2020							21,888	21,888	21,888	-		
1	Trường phổ thông DTNT huyện Đức Cơ (nay là trường THCS dân tộc nội trú huyện Đức Cơ), thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ	Đức Cơ	Nhà học lý thuyết 6 phòng + thực hành DTS 1.256m2, nhà hiệu bộ + thư viện DTS 482 m2, KTX nam DTS 683 m3, KTX nữ DTS 596m2, nhà ăn, bếp ĐTXD 343 m2, thiết bị và các hạng mục phụ	2018-2020	308/QĐ-UBND ngày 21/4/2017	30,000		4,304	4,304	4,304		BQL các dự án ĐTXD	
2	Nâng cấp Trường phổ thông dân tộc nội trú huyện Kông Chro	Kông Chro	Nhà học bộ môn, thư viện: Công trình cấp III, 02 tầng ĐTXD 570m2, DTS 1026m2, nhà vệ sinh, hàng rào xây kín Cải tạo nhà học 8 phòng, nhà đa năng, khu ký túc xá, nhà ăn, bếp, nhà bảo vệ, sân bê tông, nhà để xe...	2018-2020	1085/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	16,000		2,812	2,812	2,812		BQL các dự án ĐTXD	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025				Đơn vị thực hiện	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	NSDP	Trong đó:			
						Tổng số	Trong đó: NSDP			Thu hồi các khoản ứng trước NSDP			Thanh toán nợ XDCB
3	Trường THCS Phú Túc, thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa	Krông Pa	Nhà học 12 phòng: Công trình cấp III, 02 tầng, DTS 1.023 m2; nhà học bộ môn: 02 tầng, DTS 675 m2; nhà hiệu bộ, thư viện: 02 tầng, DTS 502 m2; nhà đa năng, DTXD 498 m2; các hạng mục phụ	2019-2020	128/QĐ-SKHĐT ngày 30/10/2018	14,990		3,000	3,000	3,000		UBND huyện Krông Pa	
4	Trường THPT Pleime, xã Ia Ga, huyện Chư Prông	Chư Prông	Nhà hiệu bộ, 02 tầng,DTXD 261m2, DTS 471 m2; Nhà học bộ môn, 02 tầng, DTXD 390m2, DTS 699 m2; thiết bị và các hạng mục phụ.	2020	161/QĐ-UBND ngày 07/3/2017; 131/QĐ-SKHĐT ngày 08/10/2019	6,000		2,585	2,585	2,585		BQL các dự án ĐTXD	
5	Trường THCS Phan Bội Châu, xã Uar, huyện Krông Pa	Krông Pa	Nhà đa năng, DTXD 421 m2, các hạng mục phụ	2019-2020	232/QĐ-UBND ngày 05/4/2016; 564/QĐ-UBND ngày 28/9/2018	3,000		1,500	1,500	1,500		UBND huyện Krông Pa	
6	Trường THCS Nguyễn Du, xã Cư An, huyện Đắk Pơ	Đắk Pơ	Nhà đa năng cấp III 01 tầng DTXD 408m2; nhà học bộ môn cấp II, 02 tầng DTXD 348m2; nhà vệ sinh, sân bê tông	2020	190/QĐ-UBND ngày 10/3/2017 74/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	6,000		400	400	400		UBND huyện Đắk Pơ	
7	Trường THCS Phan Bội Châu, xã Phú An, huyện Đắk Pơ	Đắk Pơ	Nhà đa năng, DTXD 450 m2, các hạng mục phụ	2020	187/QĐ-UBND ngày 10/3/2017; 73/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	3000		350	350	350		UBND huyện Đắk Pơ	
8	Trường THCS Quang Trung, xã Ayun Hạ, huyện Phú Thiện	Phú Thiện	Nhà đa năng, DTXD 456 m3, sân bê tông 1.135m2	2020	261/QĐ-UBND ngày 14/4/2016; 2234/QĐ-UBND ngày 24/12/2018	3,000		937	937	937		UBND huyện Phú Thiện	
9	Trường THCS Kpa Klong xã Hà Bàu, huyện Đak Đoa	Đak Đoa	Nhà hiệu bộ 02 tầng DTXD 270m2, DTS 505m²; nhà học lý thuyết 06 phòng 02 tầng, DTXD 307m2, DTS 575m²; nhà học bộ môn 04 phòng 02 tầng, DTXD 375m2, DTS 680m²; sân bê tông, hệ thống PCCC, các hạng mục phụ; hạ tầng kỹ thuật và thiết bị trường học.	2020	500/QĐ-UBND ngày 23/8/2019; 154/QĐ-SKHĐT ngày 24/10/2019	12,000		4,300	4,300	4,300		UBND huyện Đak Đoa	
10	Trường THCS Kông Bờ La, xã Kông Bờ La, huyện Kbang	Kbang	Nhà hiệu bộ, 02 tầng, DTS 425 m2; Nhà đa năng, DTXD 436 m2	2020	145/QĐ-UBND ngày 03/3/2017; 462/QĐ-UBND ngày 20/11/2018	5,000		1,700	1,700	1,700		UBND huyện Kbang	